

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO9001:2008

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thị Như Mai**  
**Giảng viên hướng dẫn : ThS. Phạm Thị Nga**

**HẢI PHÒNG - 2014**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ  
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY  
CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ STC**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**  
**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thị Như Mai**  
**Giảng viên hướng dẫn : ThS. Phạm Thị Nga**

**HẢI PHÒNG - 2014**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Phạm Thị Như Mai

Mã SV: 1213401134

Lớp: QTL 603K

Ngành: Kế toán - Kiểm Toán.

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Thương Mại Và Dịch Vụ STC

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....

.....

.....

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

### Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

### Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 31 tháng 03 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 06 tháng 7 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2014*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị**

## PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

.....  
.....  
.....

*Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2014*

**Cán bộ hướng dẫn**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

# MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG I: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP</b> .....	<b>3</b>
1.1. Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp .....	3
1.1.1. Doanh thu: .....	3
1.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu: .....	4
1.1.3. Chi phí : .....	6
1.1.4. Kết quả kinh doanh .....	8
1.2. Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....	9
1.2.1. Nhiệm vụ về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .	9
1.2.2. Kế toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu:.....	9
1.2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	9
1.2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	12
1.2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính .....	13
1.2.2.4. Kế toán thu nhập khác.....	14
1.2.3. Kế toán chi phí: .....	16
1.2.3.1 Kế toán giá vốn hàng bán.....	16
1.2.3.2. Kế toán chi phí tài chính .....	19
1.2.3.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh .....	21
1.2.3.4. Kế toán chi phí khác.....	23
1.2.4 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	24
1.2.5. Hệ thống sổ kế toán và hình thức kế toán sử dụng tại các doanh nghiệp .	27
1.2.5.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.....	27
1.2.5.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái .....	28
1.2.5.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ .....	28
1.2.5.4. Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ.....	30
1.2.5.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	31

<b>CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY C.P THƯƠNG MẠI &amp; DỊCH VỤ STC .....</b>	<b>32</b>
2.1. Tổng quan về công ty cổ phần thương mại và dịch vụ STC.....	32
2.1.1. Giới thiệu khái quát về công ty .....	32
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh .....	32
2.1.3. Những thuận lợi và khó khăn của công ty: .....	33
2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty .....	35
2.1.4.1. Sơ đồ bộ máy quản lý:.....	35
2.1.4.2. Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận, phòng ban.....	35
2.1.5. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty .....	36
2.1.5.1. Mô hình bộ máy kế toán.....	36
Chức năng của từng bộ phận:.....	37
2.1.5.2. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty .....	38
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại và dịch vụ STC .....	39
2.2.1. Thực trạng công tác kế toán hoạt động kinh doanh chính .....	39
2.2.1.1. Kế toán doanh thu và cung cấp dịch vụ tại Công ty C.P thương mại & dịch vụ STC.....	39
2.2.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty C.P thương mại & dịch vụ STC.....	46
2.2.1.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty C.P thương mại & dịch vụ STC.....	54
2.2.2. Kế toán hoạt động tài chính tại Công ty C.P thương mại & dịch vụ STC (Kế toán doanh thu hoạt động tài chính).....	64
2.2.2.1. Nội dung kế toán doanh thu hoạt động tài chính .....	64
2.2.2.2. Chứng từ sử dụng .....	64
2.2.2.3. Tài khoản sử dụng .....	64
2.2.2.4. Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính .....	64
2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP thương mại & dịch vụ STC.....	69
2.2.3.1. Nội dung kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty.....	69
2.2.3.2. Chứng từ sử dụng .....	69
2.2.3.3. Tài khoản sử dụng .....	69
2.2.3.4. Sơ đồ hạch toán .....	70



<b>CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ STC .....</b>	<b>78</b>
3.1. Đánh giá chung về công tác tốt chức kế toán tại công ty cổ phần thương mại và dịch vụ STC .....	78
3.1.1. Những ưu điểm của công tác kế toán tại Công ty.....	78
3.1.2. Nhược điểm:.....	80
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại và dịch vụ STC.....	82
3.2.1 . Về việc nâng cao phần mềm kế toán: .....	82
3.2.2. Về việc luân chuyển chứng từ .....	82
3.2.3. Về hệ thống sổ kế toán.....	83
3.2.4. Về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi .....	85
3.2.5. Trích trước chi phí đề phòng những thiệt hại trong kinh doanh: .....	86
3.2.6. Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thương mại vào kế toán bán hàng ...	87
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>90</b>

## LỜI MỞ ĐẦU

Nền kinh tế nước ta đang chuyển sang kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, từng bước hội nhập với nền kinh tế các nước trong khu vực và thế giới. Nhiều doanh nghiệp đang vươn mình lớn mạnh, góp phần tạo ra của cải vật chất, làm cho đất nước ngày càng giàu đẹp. Chính vì vậy, các chính sách của Đảng và nhà nước càng quan tâm hơn đến các doanh nghiệp, tạo điều kiện tốt nhất cho các doanh nghiệp cạnh tranh lành mạnh.

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp luôn hướng tới sự phát triển mạnh mẽ hơn trong tương lai. Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp có mối quan hệ mật thiết với nhau. Doanh thu thể hiện số tiền đã thu và sẽ thu được. Chi phí là số tiền doanh nghiệp bỏ ra để phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh như: chi phí mua hàng, bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, v.v... Kết quả kinh doanh thể hiện số tiền doanh nghiệp thu được sau khi lấy doanh thu trừ đi tất cả chi phí. Mục tiêu xuyên suốt quá trình hoạt động kinh doanh của mọi doanh nghiệp là chênh lệch giữa doanh thu với chi phí ngày càng lớn, kết hợp tạo lòng tin từ khách hàng nhằm tối đa hóa lợi nhuận. Để đạt được mục tiêu đó, doanh nghiệp phải tìm mọi cách tăng doanh thu, giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, dịch vụ. Vì vậy, việc quản lý doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò vô cùng quan trọng, góp phần vào sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Nhận thức được điều đó, sau thời gian thực tập tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ STC, được sự chỉ bảo tận tình của cán bộ nhân viên phòng Kế toán tài chính, em đã đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu thực tế doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh và công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. Qua đó, em đã có những nhận thức rõ ràng và cụ thể hơn về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cũng như tầm quan trọng của việc kiểm soát doanh thu, chi phí trong sự phát triển của doanh nghiệp. Chính vì vậy em đã lựa chọn đề tài ***“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Thương Mại Và Dịch Vụ STC”*** cho khóa luận tốt nghiệp của bản thân.

Mục đích của khóa luận là nghiên cứu, tìm hiểu nội dung của kế toán doanh thu và cung cấp dịch vụ trên cơ sở thực tế đã thực hiện tại công ty cổ phần thương mại và dịch vụ STC. Qua việc tìm hiểu này để rút ra nhận xét về ưu

điểm và hạn chế của quy trình kế toán doanh thu, đồng thời đề ra phương hướng và kiến nghị nhằm hoàn thiện quy trình kế toán tại công ty.

Khóa luận sẽ tập trung làm rõ tình hình kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ STC trong niên độ kế toán năm 2013. Ngoài mở đầu và kết luận, khóa luận được kết cấu thành 3 chương:

**Chương I: Một số vấn đề lý luận chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

**Chương II: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty C.P thương mại & dịch vụ STC**

**Chương III: Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty C.P thương mại & dịch vụ STC**

Em xin chân thành cảm ơn Thạc sĩ Phạm Thị Nga cùng Ban Giám đốc và các anh chị kế toán viên tại công ty cổ phần thương mại và dịch vụ STC đã tận tình hướng dẫn em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này.

# CHƯƠNG I

## MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

### 1.1. Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

#### 1.1.1. Doanh thu:

*\* Khái niệm về doanh thu và các loại doanh thu:*

Theo chuẩn mực số 14 “doanh thu và thu nhập khác” ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ/BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và thông tư số 89/2002/TT-BTC thì:

+ Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: Bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

+ Doanh thu tiêu thụ nội bộ là số tiền thu được do bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty theo giá bán nội bộ.

+ Doanh thu thuần là doanh thu bán hàng sau khi đã trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu như: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp.

+ Doanh thu tài chính là các khoản thu nhập liên quan đến hoạt động tài chính, bao gồm hoạt động tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

+ Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

Thu nhập khác của doanh nghiệp gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định.

- Chênh lệch do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn.
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê tài sản.
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ.
- Các khoản thuế được Ngân sách nhà nước hoàn lại.
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật do các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

*\* Điều kiện ghi nhận doanh thu:*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách tin cậy.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Kết quả của giao dịch về cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn 4 điều kiện sau:

1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
3. Xác định được phần công việc vào ngày lập Bảng cân đối.
4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*\* Thời điểm ghi nhận doanh thu theo các phương thức bán hàng:*

- Theo phương thức trực tiếp: Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hoá đơn thì hàng chính thức được coi là tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

- Theo phương thức gửi hàng đại lý: Chỉ khi nào được người mua chấp nhận thanh toán thì số hàng đó mới chính thức coi là tiêu thụ và doanh nghiệp có quyền ghi nhận doanh thu đồng thời ghi nhận giá vốn hàng bán.

**1.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu:**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm có:

- ✓ Chiết khấu thương mại:

Là khoản mà người bán thường cho người mua do người mua đã mua hàng(sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ) với khối lượng lớn trong một thời gian nhất định theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết về mua bán hàng.

✓ Giảm giá hàng bán:

Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp(bên bán) chấp thuận một cách đặc biệt trên giá đã thoả thuận trên hoá đơn, vì lý do hàng bán kém phẩm chất, không đúng quy cách hoặc không đúng thời hạn ghi trong hợp đồng.

✓ Hàng bán bị trả lại:

Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách... Khi doanh nghiệp nhận lại giá trị hàng bán bị trả lại cần đồng thời ghi giảm tương ứng trị giá vốn hàng bán trong kỳ.

✓ Thuế xuất khẩu:

Thuế xuất khẩu hoặc thuế quan là tên gọi chung để gọi loại thuế trong lĩnh vực thương mại quốc tế. Thuế xuất khẩu được đánh vào tất cả các mặt hàng, dịch vụ trao đổi với nước ngoài, khi xuất khẩu qua biên giới Việt Nam. Doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu hoặc uỷ thác thì phải nộp thuế này.

✓ Thuế tiêu thụ đặc biệt

Là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu các mặt hàng, dịch vụ mà nhà nước không khuyến khích sản xuất kinh doanh, hạn chế tiêu thụ như: rượu, bia, thuốc lá, vàng mã...

✓ Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:

Là thuế tính trên giá trị gia tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã xác định trong kỳ.

*\*Vai trò của doanh thu:*

Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp.

- Doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng.

- Là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện các nghĩa vụ với nhà nước như nộp các khoản thuế theo quy định.

- Là nguồn để có thể tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác. Trường hợp doanh thu không đủ đảm bảo các khoản chi phí đã bỏ ra, doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về tài chính. Nếu tình trạng này kéo dài sẽ làm cho doanh nghiệp không đủ sức cạnh tranh trên thị trường và tất yếu sẽ đi tới phá sản.

- Vai trò quan trọng nhất của doanh thu được thể hiện thông qua quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ... Nó có vai trò quan trọng không chỉ đối với mỗi đơn vị kinh tế mà còn đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Cũng xuất phát từ doanh thu mà ta mới đi đến việc xác định được kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

### **1.1.3. Chi phí :**

Theo chuẩn mực số 01 “Chuẩn mực chung” ban hành và công bố theo QĐ số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng BTC thì:

Chi phí là các khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cho các hoạt động khác... mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Chi phí bao gồm các khoản chi phí sau:

#### **\* Giá vốn hàng bán:**

Là giá trị giá vốn của sản phẩm, vật tư hàng hoá, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là trị giá sản xuất ghi sổ, còn với hàng hoá tiêu thụ, giá vốn bao gồm trị giá mua cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng hoá tiêu thụ.

#### **\* Chi phí bán hàng:**

Là toàn bộ các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí bán hàng bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng.
- Chi phí vật liệu bao bì.
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng.
- Chi phí khấu hao TSCĐ.
- Chi phí bảo hành sản phẩm.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- Chi phí bằng tiền khác.

**\* Chi phí quản lý doanh nghiệp:**

Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý.
- Chi phí vật liệu quản lý.
- Chi phí đồ dùng văn phòng.
- Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- Thuế phí, lệ phí.
- Chi phí dự phòng.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- Chi phí bằng tiền khác.

**\* Chi phí hoạt động tài chính:**

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ...

**\* Chi phí khác:**

Là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Chi phí khác bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Các khoản chi phí khác.

**\* Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:**

Thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản chi phí phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập chịu thuế trong kỳ



bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá dịch vụ và thu nhập khác.

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN

#### **1.1.4. Kết quả kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với trị giá vốn của hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh chính	=	Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Giá vốn hàng bán	-	Chi phí bán hàng	-	Chi phí quản lý doanh nghiệp
---	---	---	---	------------------	---	------------------	---	------------------------------

- Kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

Kết quả hoạt động tài chính	=	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí tài chính
-----------------------------	---	-------------------------------	---	-------------------

- Kết quả hoạt động khác: là số chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác.

Kết quả hoạt động khác	=	Thu nhập khác	-	Chi phí khác
------------------------	---	---------------	---	--------------

Số tiền lãi(lỗ) được phân phối như sau:

Nếu lỗ sẽ trừ vào lợi nhuận sau thuế của các năm tài chính tiếp theo.

Nếu lãi doanh nghiệp tiến hành phân phối theo trình tự sau:

- + Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.
- + Nộp tiền thu về sử dụng vốn ngân sách nhà nước.
- + Trừ các khoản chi thực tế đã chi nhưng không được tính vào chi phí hợp lý, hợp lệ, các khoản lỗ năm trước chuyển sang.
- + Trích lập các quỹ: quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng giảm giá, quỹ khen thưởng phúc lợi.
- + Chia lãi các bên tham gia góp vốn.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu quan trọng, thông qua chỉ tiêu này sẽ biết được trong kỳ sản xuất kinh doanh đã qua doanh nghiệp lãi hay lỗ, tức là kinh doanh hiệu quả hay chưa hiệu quả. Điều này giúp nhà quản lý đưa ra

những chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Kết quả} & & \text{Kết quả hoạt} & & \text{Kết quả hoạt} & & \text{Kết quả hoạt} \\ \text{kinh} & = & \text{động sản xuất} & + & \text{động tài} & + & \text{động khác} \\ \text{doanh} & & \text{kinh doanh chính} & & \text{chính} & & \end{array}$$

## **1.2. Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

### **1.2.1. Nhiệm vụ về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

Để đáp ứng nhu cầu quản lý về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, kế toán cần phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại thành phẩm, hàng hoá theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời và chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu của khách hàng.

- Tham mưu các giải pháp thúc đẩy bán hàng, tăng vòng quay của vốn.

- Cung cấp các thông tin cần thiết về tình hình bán hàng cho chủ doanh nghiệp kịp thời có số liệu, tình hình chỉ đạo hoạt động mua - bán kinh doanh của doanh nghiệp.

- Kiểm tra đôn đốc và thu hồi tiền hàng, khách hàng nợ, theo dõi chi tiết từng khách hàng, từng lô hàng và từng số tiền và thời hạn trả, tình hình trả nợ của khách hàng.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định kết quả kinh doanh.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước để họ có căn cứ đánh giá sức mua, đánh giá tình hình tiêu dùng, đề xuất các chính sách ở tầm vĩ mô.

### **1.2.2. Kế toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu:**

#### **1.2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

\* Chứng từ, sổ sách sử dụng

- Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 02 GTKT-3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTGT-3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi (Mẫu 14 - BH)
- Thẻ quầy hàng (Mẫu 15 - BH)
- Các chứng từ thanh toán (phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có ngân hàng, bảng sao kê của ngân hàng...)
- Chứng từ kế toán liên quan khác như: phiếu xuất kho, phiếu nhập kho, hoá đơn vận chuyển, bốc dỡ...
- Bảng kê hoá đơn chứng từ hàng hoá dịch vụ bán ra.
- Nhật ký chung
- Sổ cái TK511, 512
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo tài chính

*\*Tài khoản sử dụng*

- *Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.*

Tài khoản 511 có các tài khoản cấp 2 sau:

TK5111-Doanh thu bán hàng hoá

TK5112- Doanh thu bán thành phẩm

TK5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá

TK 5117: Doanh thu bất động sản đầu tư

TK5118: Doanh thu khác

*\*Kết cấu và nội dung tài khoản 511*

**Bên Nợ**

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất nhập khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp

- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ

- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ

- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

**Bên Có**

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán

▪ *Tài khoản 512 “Doanh thu nội bộ” :*

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 512 có 3 tài khoản cấp 2

TK 5121 : Doanh thu bán hàng hoá

TK 5122 : Doanh thu bán các thành phẩm

TK 5123 : Doanh thu cung cấp dịch vụ

\**Kết cấu và nội dung TK512:*

Bên Nợ

- Trị giá hàng bán bị trả lại , khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm , hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ

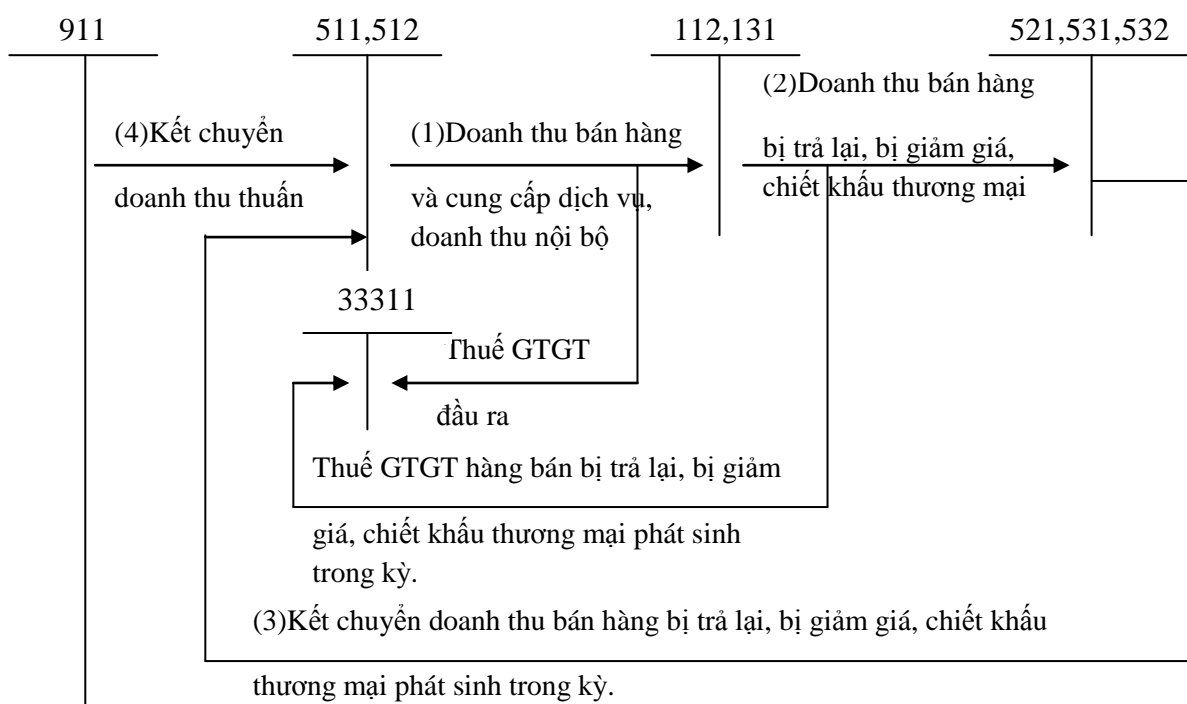
- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm hàng hoá, dịch vụ, tiêu thụ nội bộ

- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

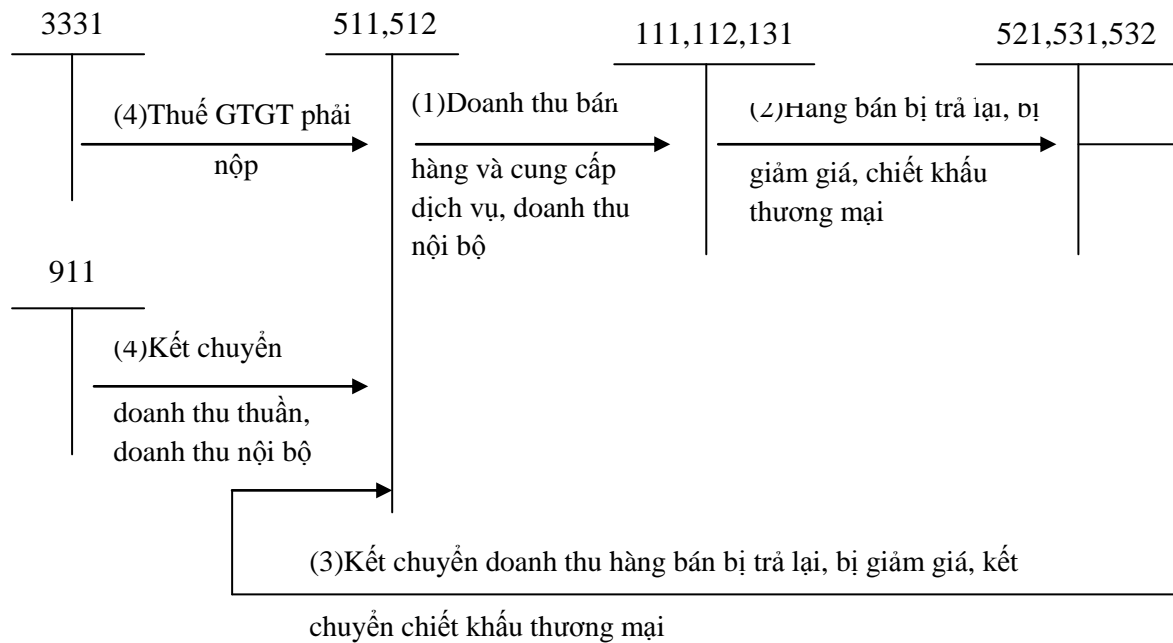
Bên Có

- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

▲ Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ được khái quát qua sơ đồ:



Sơ đồ 1.1a: Sơ đồ kế toán doanh thu khi doanh nghiệp hạch toán thuế theo phương pháp khấu trừ



Sơ đồ 1.1b: Sơ đồ kế toán doanh thu khi doanh nghiệp hạch toán thuế theo phương pháp trực tiếp

1.2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản làm cho doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bị giảm đi như chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, thuế xuất khẩu, thuế TTĐB, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp.

\* Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn giá trị gia tăng, hoá đơn bán hàng thông thường.
- Các chứng từ thanh toán như: phiếu nhập, phiếu chi, séc thanh toán, séc chuyển khoản, uỷ nhiệm chi, giấy báo nợ... và các chứng từ khác có liên quan.

\* Tài khoản sử dụng

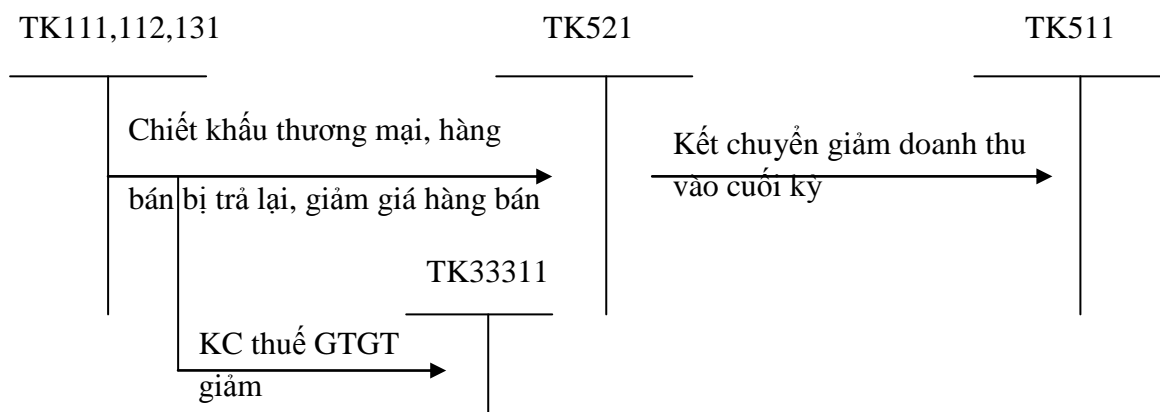
- Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại

\*Kết cấu và nội dung tài khoản 521:

TÀI KHOẢN 521- Chiết khấu thương mại

Chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ.	Kết chuyển xác định doanh thu thuần.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có
Tài khoản này không có số dư.	

\*Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

TK 521 gồm 3 tài khoản cấp 2:

TK 5211: Chiết khấu thương mại

TK 5212: Hàng bán bị trả lại

TK 5213: Giảm giá hàng bán

### 1.2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

\* Chứng từ sử dụng

Phiếu thu(mẫu số 01-TT)

Giấy báo có của ngân hàng

Các khế ước cho vay, biên bản ghi nhận nợ.

Các chứng từ có liên quan...

\* Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

\*Kết cấu và nội dung tài khoản 515

#### TÀI KHOẢN 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

-Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp(nếu có).	-Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.
- Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh.	-Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
	-Chiết khấu thanh toán được hưởng.
	-Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có
Tài khoản này không có số dư.	

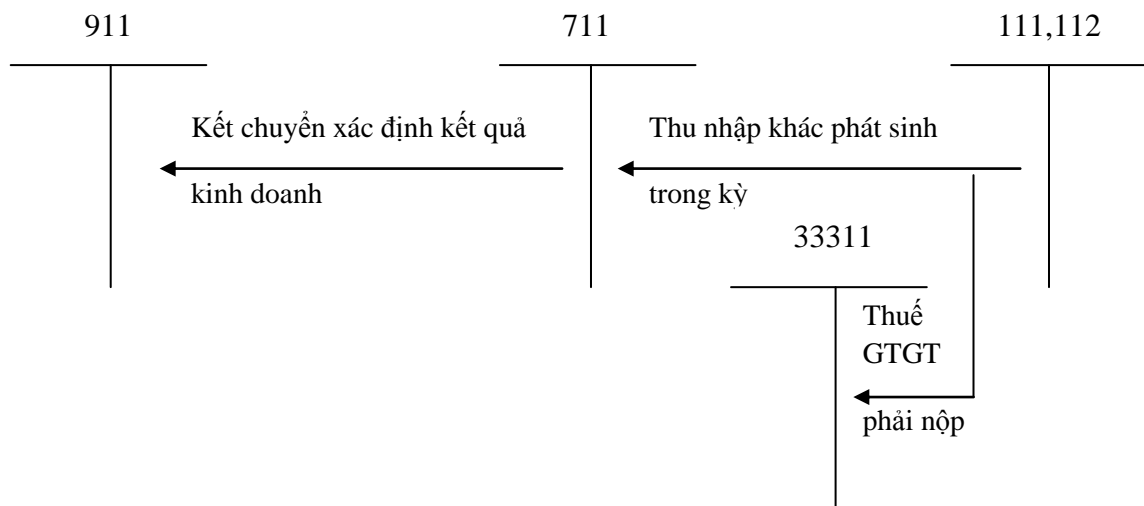


\**Kết cấu nội dung tài khoản*

TÀI KHOẢN 711 – Thu nhập khác

<p>-Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp</p> <p>-Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh.</p>	<p>-Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.</p> <p>-Thu tiền được do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.</p> <p>-Các khoản thuế được NSNN hoàn lại; -Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, bằng hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp.</p> <p>-Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót.</p>
<p>Tổng phát sinh Nợ</p>	<p>Tổng phát sinh Có</p>
<p>Tài khoản này không có số dư.</p>	

\* *Sơ đồ hạch toán thu nhập khác*



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác



**1.2.3. Kế toán chi phí:**

**1.2.3.1 Kế toán giá vốn hàng bán**

*\*Chứng từ sử dụng*

Phiếu xuất kho

Phiếu báo vật tư, bảng kê mua hàng

Hóa đơn mua hàng, phiếu xuất kho gửi đại lý

Bảng thanh toán hàng đại lý ký gửi

Hóa đơn bán hàng và hóa đơn GTGT, thẻ quầy hàng...

*\* Tài khoản sử dụng:*

- Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Kết cấu tài khoản:

**TÀI KHOẢN 632 – Giá vốn hàng bán**

-Giá vốn hàng đã bán. -Lập dự phòng giảm giá hàng hoá tồn kho.	-Hoàn nhập khoản dự phòng. -Kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có
Tài khoản này không có số dư.	

*\*Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho:*

Theo chuẩn mực số 02-HTK ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, việc tính giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán được tính theo một trong bốn phương pháp sau:

(1). Phương pháp nhập trước - xuất trước(FIFO)

Phương pháp này dựa trên giả thiết lô hàng nhập kho trước sẽ được xuất kho trước, vì vậy hàng tồn kho đầu kỳ giả định là xuất kho trước tiên, số hàng hoá sau đó được xuất kho theo đúng thứ tự như chúng được mua vào nhập kho. Việc tính giá vốn hàng bán theo phương pháp này có ưu điểm là giá vốn của hàng tồn kho trên báo cáo kế toán sát với giá thị trường tại thời điểm lập báo cáo. Trị giá hàng hoá xuất kho thường bị phản ánh kém chính xác, đặc biệt là trong trường hợp có sự biến động tăng lên về giá.

(2). Phương pháp nhập sau - xuất trước(LIFO)

Áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được

tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho. Phương pháp Nhập sau - xuất trước thích hợp trong trường hợp có lạm phát.

(3). Phương pháp bình quân gia quyền

Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho được căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức:

$$\text{Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho} = \frac{\text{Số lượng hàng xuất kho}}{\text{Đơn giá bình quân}}$$

Trong đó, đơn giá bình quân được tính theo hai phương pháp:

- Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá bình quân của hàng hóa xuất kho trong kỳ} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế hàng hóa nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập trong kỳ}}$$

Phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ tuy đơn giản, dễ làm nhưng độ chính xác không cao. Hơn nữa, công việc tính toán đơn giản dồn vào cuối tháng, gây ảnh hưởng đến công tác quyết toán nói chung.

- Phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập:

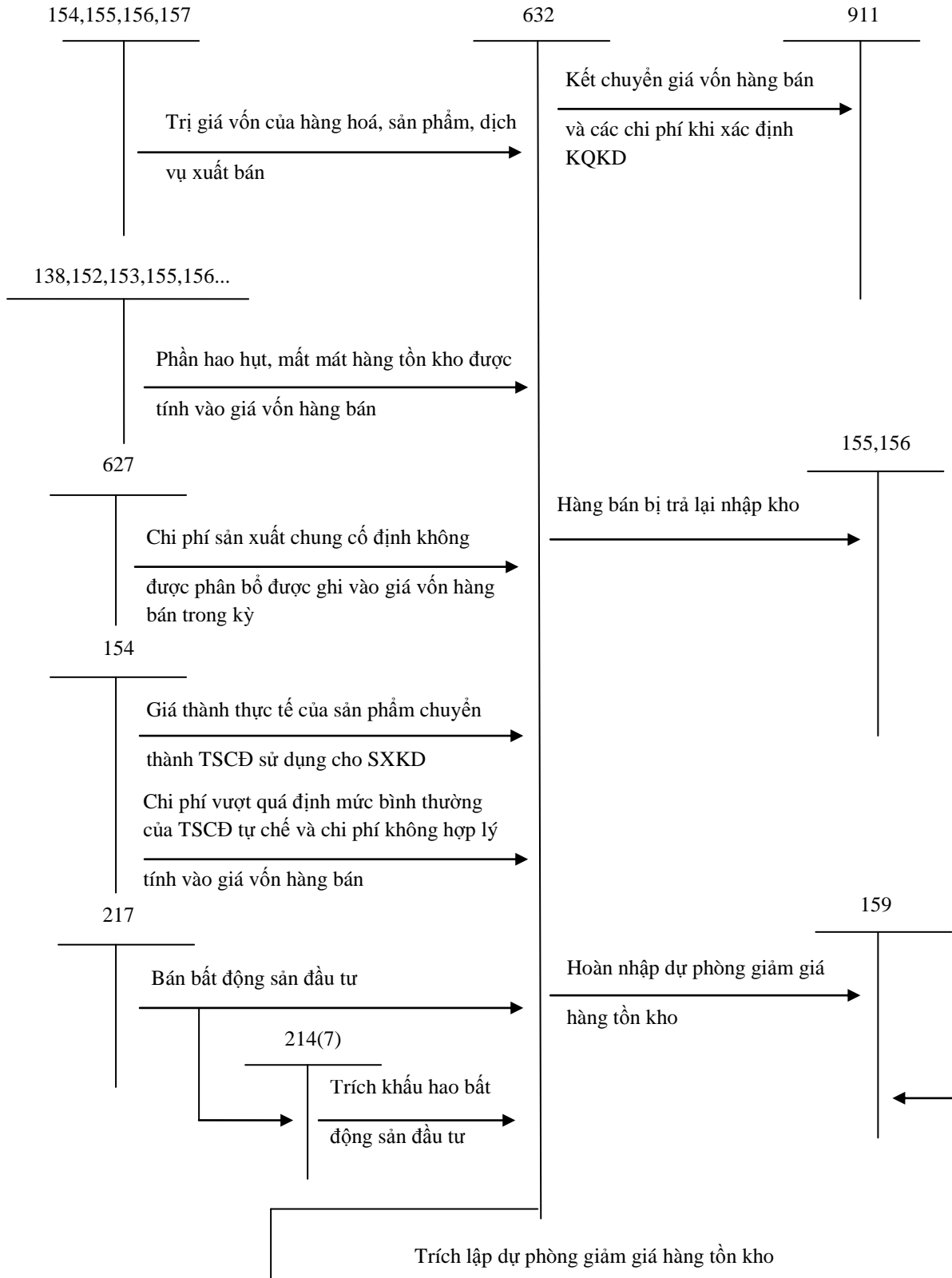
$$\text{Giá đơn vị bình quân sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng hoá tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng thực tế hàng hoá tồn kho sau lần nhập thứ } i}$$

Phương pháp giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập lại khắc phục được nhược điểm của phương pháp trên, vừa chính xác, vừa cập nhật. Nhược điểm của phương pháp này là tốn nhiều công sức, tính toán nhiều lần.

(4). Phương pháp tính theo giá đích danh

Phương pháp này dựa trên cơ sở xuất kho hàng hoá thuộc lô hàng nào thì lấy đúng giá vốn của lô hàng đó để tính giá vốn hàng xuất kho. Áp dụng phương pháp này trong trường hợp kê toán nhận diện được từng lô hàng, từng loại hàng hoá tồn kho, từng lần mua vào và tung đơn giá theo từng hoá đơn của chúng. Phương pháp này được áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp kinh doanh những mặt hàng có giá trị cao, số lần nhập xuất ít.

*\*Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán:*



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán

*1.2.3.2. Kế toán chi phí tài chính*

*\* Chứng từ sử dụng*

- Phiếu chi(mẫu số 02-VT), giấy báo nợ của ngân hàng
- Các khế ước đi vay, biên bản ghi nhận nợ
- Các chứng từ khác có liên quan...

*\*Tài khoản sử dụng*

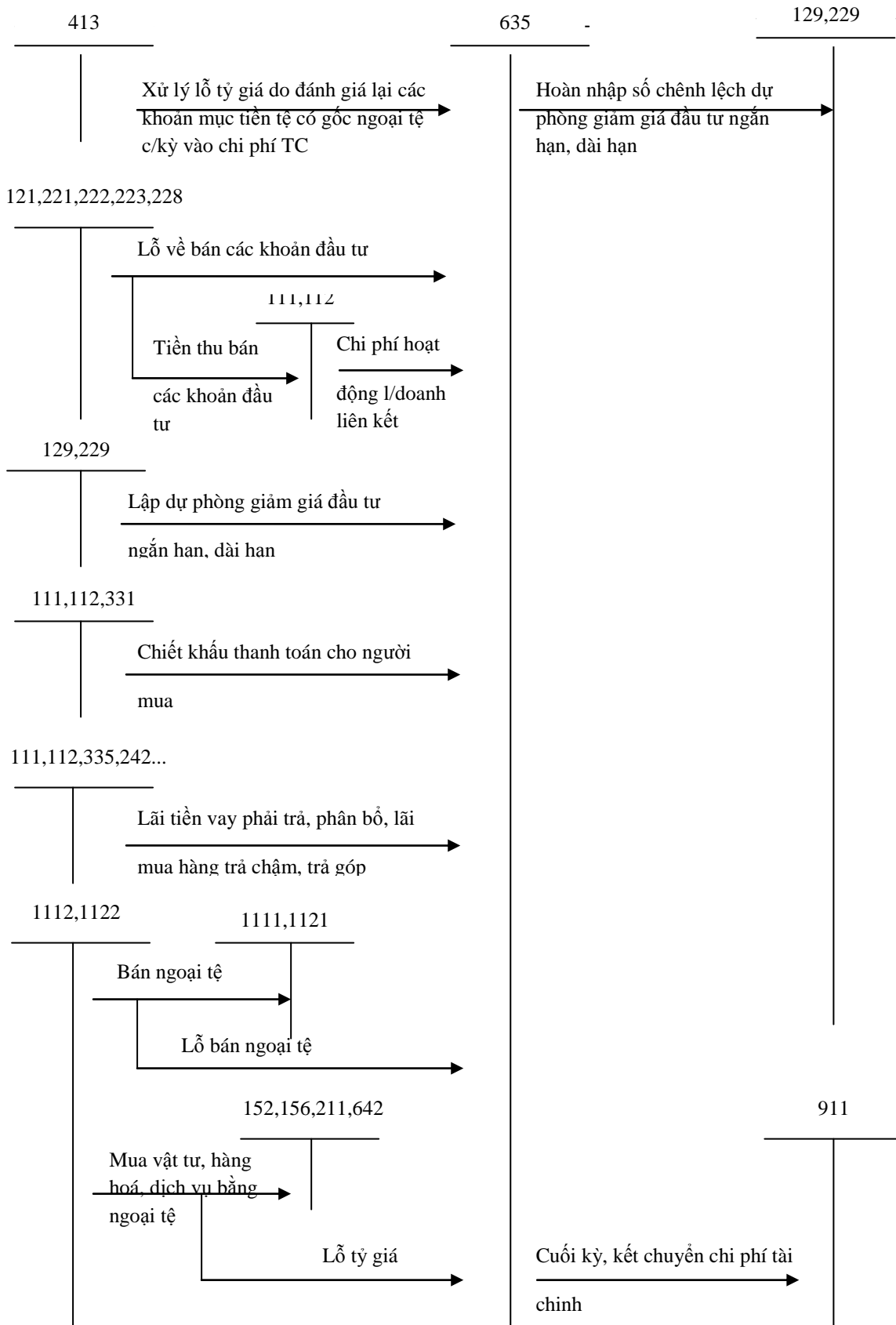
- Tài khoản 635 – Chi phí tài chính.

*\*Kết cấu và nội dung tài khoản 635*

**TÀI KHOẢN 635 – Chi phí tài chính**

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản chi phí hoạt động tài chính.</li> <li>- Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn.</li> <li>- Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế.</li> <li>- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ.</li> <li>- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.</li> <li>- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.</li> </ul>
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>
Tài khoản này không có số dư.	

\* Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính

*1.2.3.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh*

*\*Chứng từ sử dụng*

Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội(mẫu số 11-LĐTL)

Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ(mẫu số 06-TSCĐ)

Bảng phân bổ nguyên vật liệu- công cụ dụng cụ(mẫu số 07-VT)

Hoá đơn GTGT, phiếu chi

Các chứng từ kế toán khác có liên quan.

*\* Tài khoản sử dụng*

- Tài khoản 642 – chi phí quản lý kinh doanh.

*\* Nội dung và kết cấu tài khoản 642*

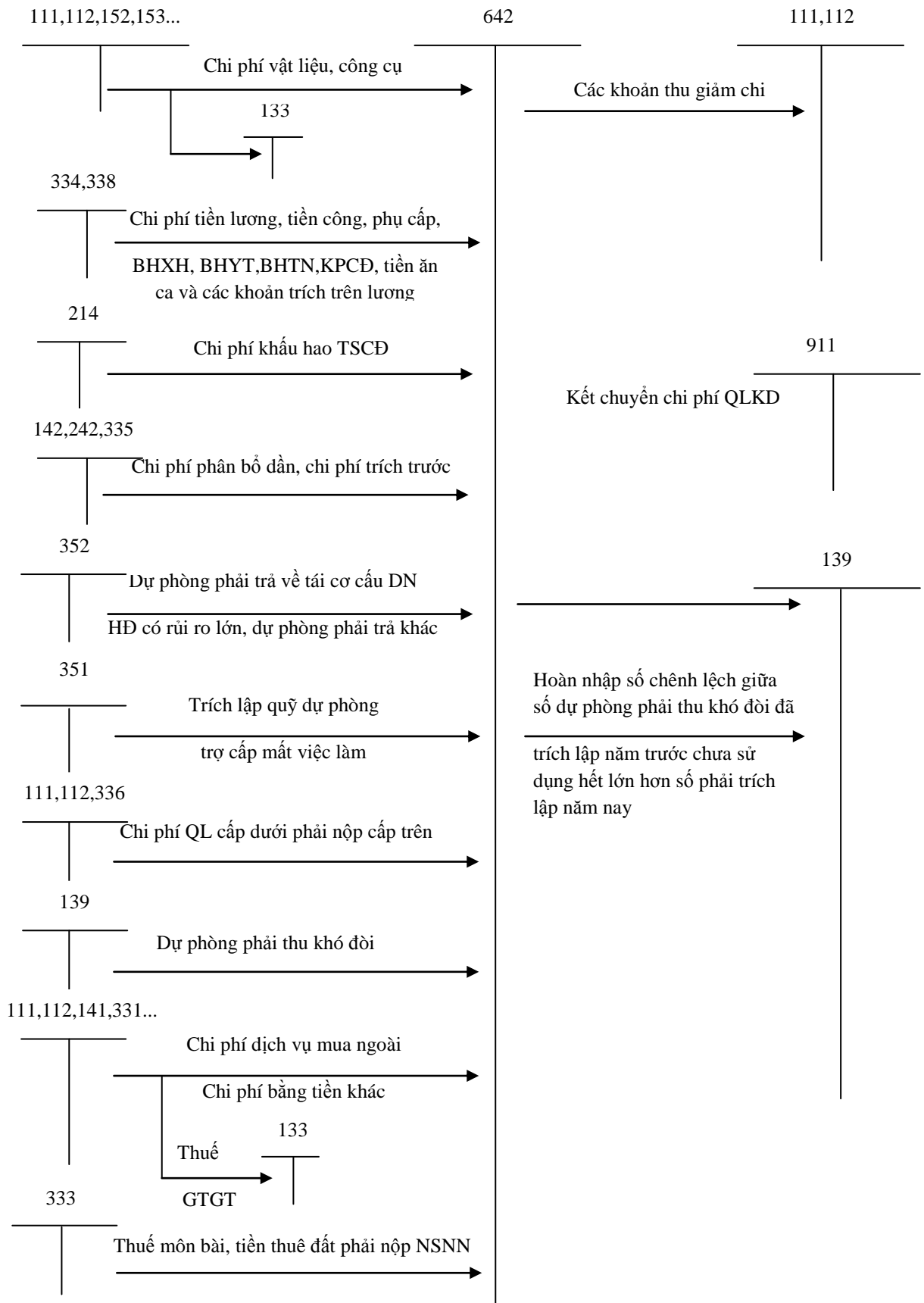
**TÀI KHOẢN 642 – Chi phí quản lý kinh doanh**

-Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ. -Tập hợp các chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ -Dự phòng trợ cấp mất việc làm.	-Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả. - Các khoản được phép ghi giảm chi phí quản lý (nếu có) - Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có
Tài khoản này không có số dư.	

Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm:

- Chi phí bán hàng : 6421
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: 6422

\*Sơ đồ chi phí quản lý kinh doanh:



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

*1.2.3.4. Kế toán chi phí khác*

*\*Chứng từ sử dụng*

- Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng
- Biên bản thanh lý tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan...

*\*Tài khoản sử dụng*

- Tài khoản 811 – Chi phí khác

*Tài khoản 811- “Chi phí khác”*

Chi phí khác: là các khoản chi phí phát sinh ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường

Chi phí khác phát sinh, gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế;
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán;
- Các khoản chi phí khác.

*\*Chứng từ sử dụng*

Phiếu chi, phiếu kế toán, biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ

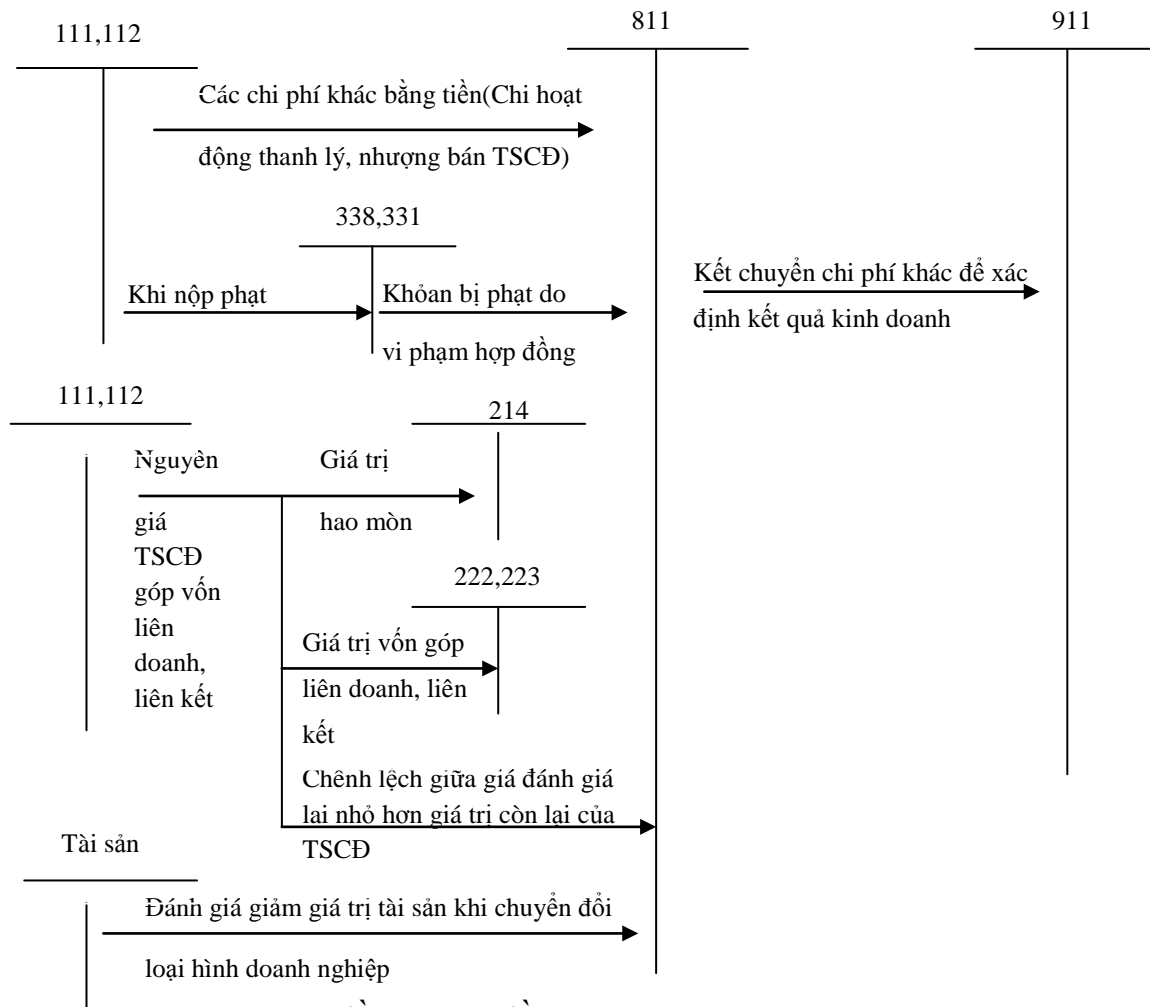
*\*Kết cấu nội dung tài khoản :*

**TÀI KHOẢN 811 – Chi phí khác**

Các khoản chi phí khác phát sinh.	Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có
Tài khoản này không có số dư.	



*\*Sơ đồ hạch toán chi phí khác*



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán chi phí khác

**1.2.4 Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

- Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

*\*Kết cấu và nội dung tài khoản 821*

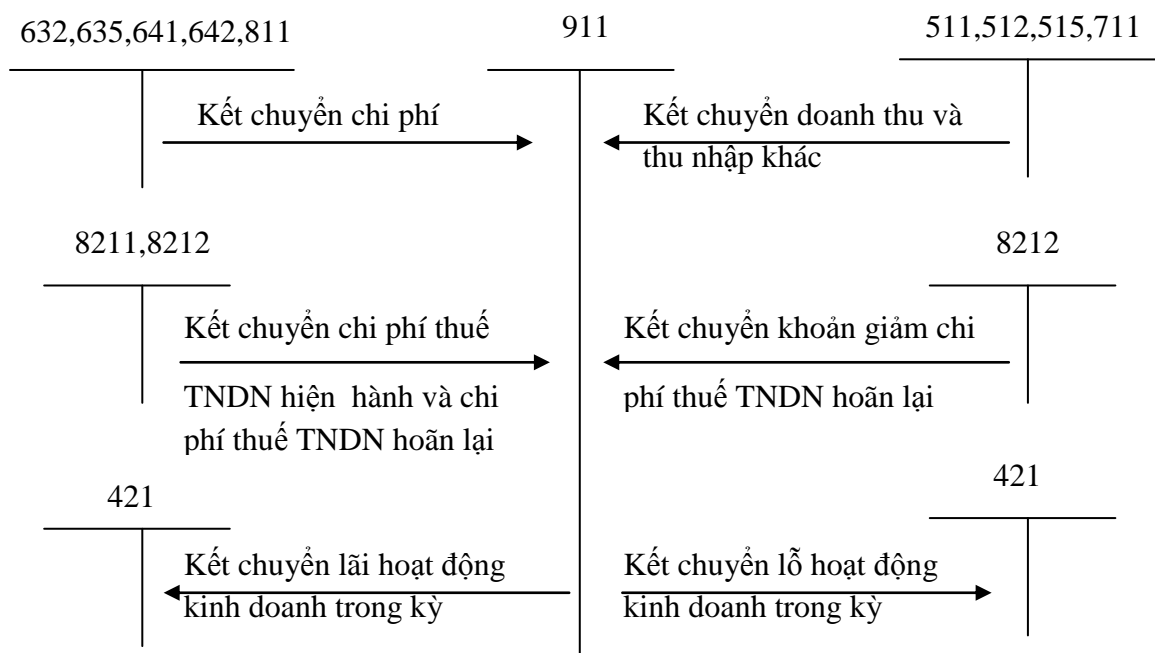
**TÀI KHOẢN 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

-Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm. -Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.	-Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm. -Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. -Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có
Tài khoản này không có số dư.	

\* Chứng từ sử dụng

Phiếu kế toán và các chứng từ khác có liên quan...

\* Sơ đồ kế toán xác định kết quả kinh doanh:



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

▪ Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (lãi hoặc lỗ) được xác định trên cơ sở tổng hợp tất cả kết quả của mọi hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.

Cách tính một số chỉ tiêu lợi nhuận như sau:

<i>Doanh thu thuần</i>	=	<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	-	<i>Chiết khấu thương mại</i>	-	<i>Giảm giá hàng bán</i>	-	<i>Hàng bán bị trả lại</i>	-	<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt, xuất khẩu (nếu có)</i>
<i>Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	=	<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	-	<i>Giá vốn hàng bán</i>						
<i>Lợi nhuận thuần từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	=	<i>Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	-	<i>Chi phí hoạt động bán hàng</i>	-	<i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>				
<i>Lợi nhuận từ hoạt động tài chính</i>	=	<i>Thu nhập tài chính</i>	-	<i>Chi phí hoạt động tài chính</i>						

<i>Lợi nhuận</i>		<i>Thu nhập</i>		<i>Chi phí</i>
<i>từ hoạt</i>	=	<i>từ hoạt</i>	-	<i>cho hoạt</i>
<i>động khác</i>		<i>động khác</i>		<i>động khác</i>

\***Kết cấu tài khoản**

**TÀI KHOẢN 911 – Xác định kết quả kinh doanh**

-Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ. -Chi phí bán hàng. -Chi phí quản lý doanh nghiệp. -Chi phí tài chính. -Chi phí khác. -Chi phí thuế TNDN. -Kết chuyển lãi.	-Doanh thu thuần của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ. -Doanh thu hoạt động tài chính. -Thu nhập khác. -Khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN. -Kết chuyển lỗ.
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

Tài khoản này không có số dư.

▪ Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế TNDN và tình hình phân phối, xử lý kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Tài khoản 421 có 2 tài khoản cấp 2 sau:

TK4211 - Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.

TK4212 - Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

\* **Kết cấu tài khoản**

**TÀI KHOẢN 421 – Lợi nhuận chưa phân phối**

-Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. -Trích lập các quỹ của doanh nghiệp, chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, nhà đầu tư... -Bổ sung vốn kinh doanh. -Lợi nhuận nộp cấp trên.	-Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ. -Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ cấp dưới được cấp trên bù. -Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>
Tài khoản này có thể dư nợ hoặc dư có.	

**1.2.5. Hệ thống sổ kế toán và hình thức kế toán sử dụng tại các doanh nghiệp**

Để ghi chép, hệ thống hoá thông tin kế toán, doanh nghiệp phải sử dụng một hình thức kế toán nhất định, phù hợp với đặc điểm, quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và trình độ của đội ngũ cán bộ kế toán hiện có.

**1.2.5.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung**

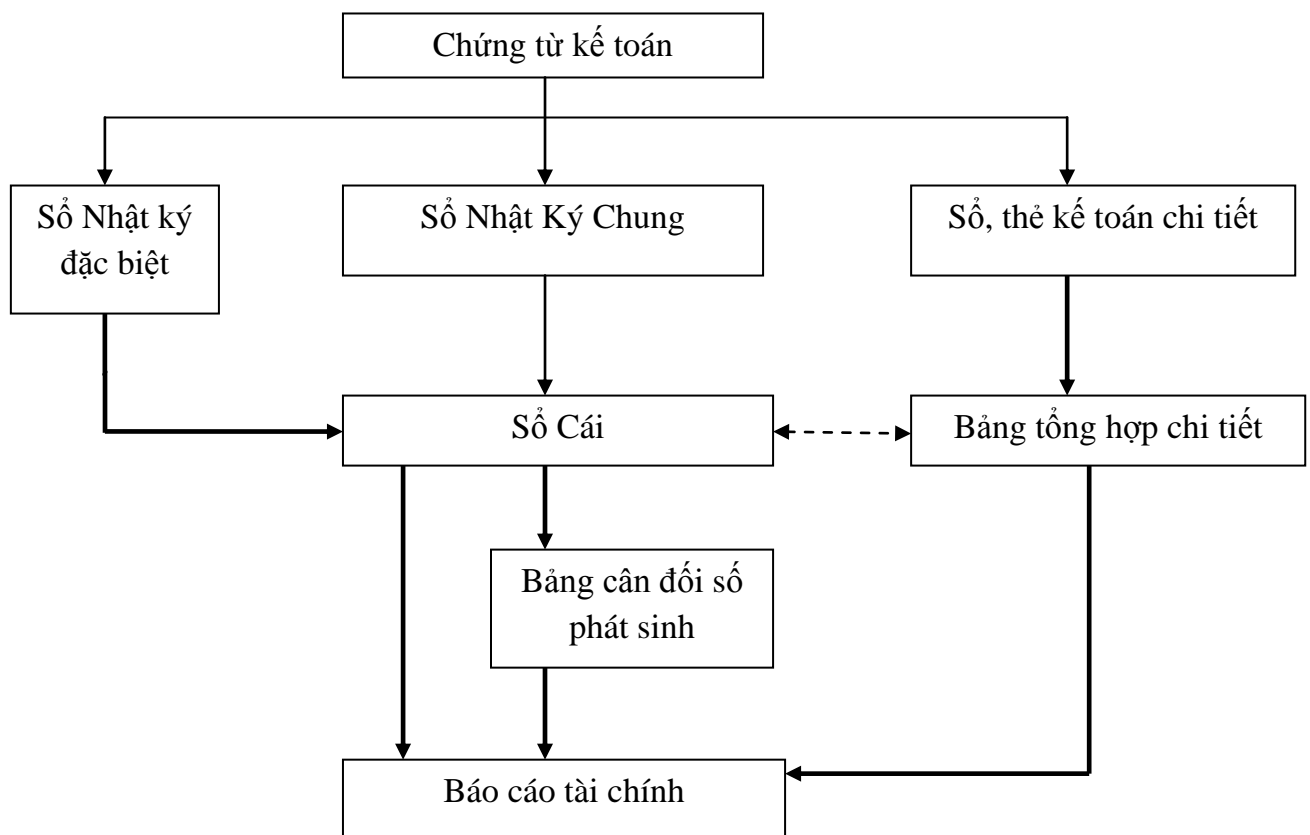
*Đặc trưng cơ bản:* Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép vào sổ Nhật ký chung mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

*Hình thức Nhật ký chung bao gồm các loại sổ chủ yếu:*

- Sổ Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt, sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

\*Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng  
hoặc định kỳ →
- Đối chiếu, kiểm tra ←---



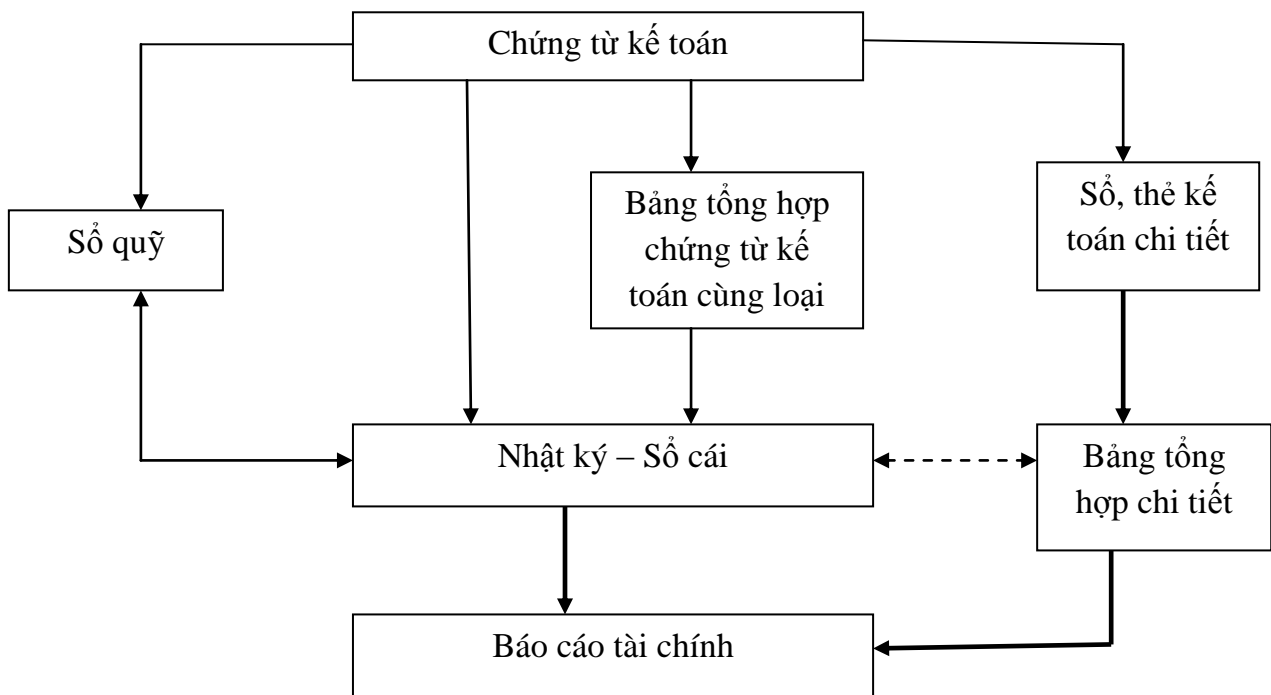
Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung được thể hiện qua sơ đồ trên

1.2.5.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

Đặc trưng cơ bản: Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký sổ cái. Căn cứ vào nhật ký sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức Nhật ký - Sổ cái bao gồm các loại sổ chủ yếu:

- Nhật ký - Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái được thể hiện qua sơ đồ trên

1.2.5.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

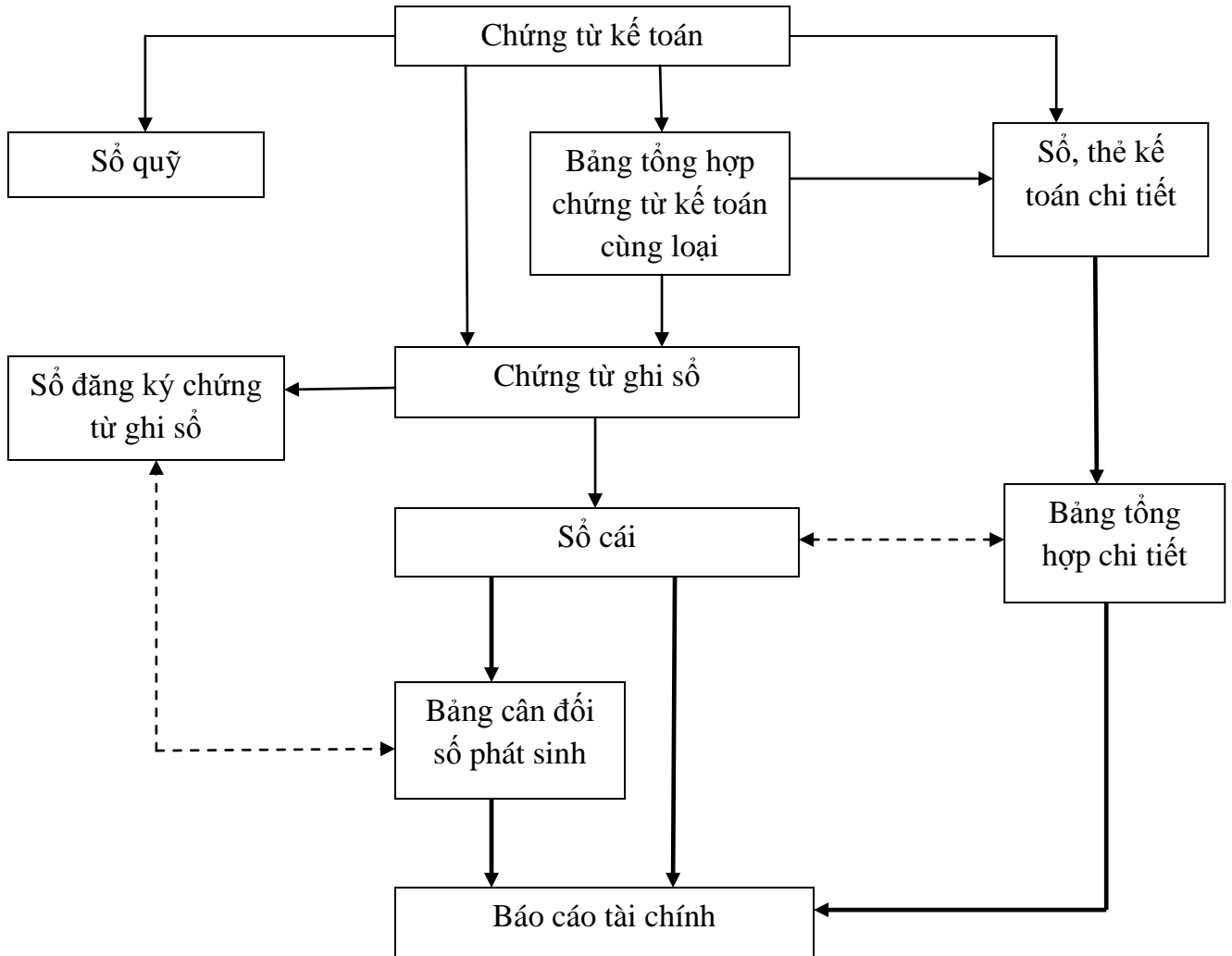
Đặc trưng cơ bản: Căn cứ trực tiếp để ghi kế toán tổng hợp là chứng từ ghi sổ. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái

Chứng từ ghi sổ được đánh số liên tục trong tháng hoặc cả năm (theo STT trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức Chứng từ ghi sổ bao gồm các loại sổ chủ yếu:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết



Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ được thể hiện qua sơ đồ trên

1.2.5.4. Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ

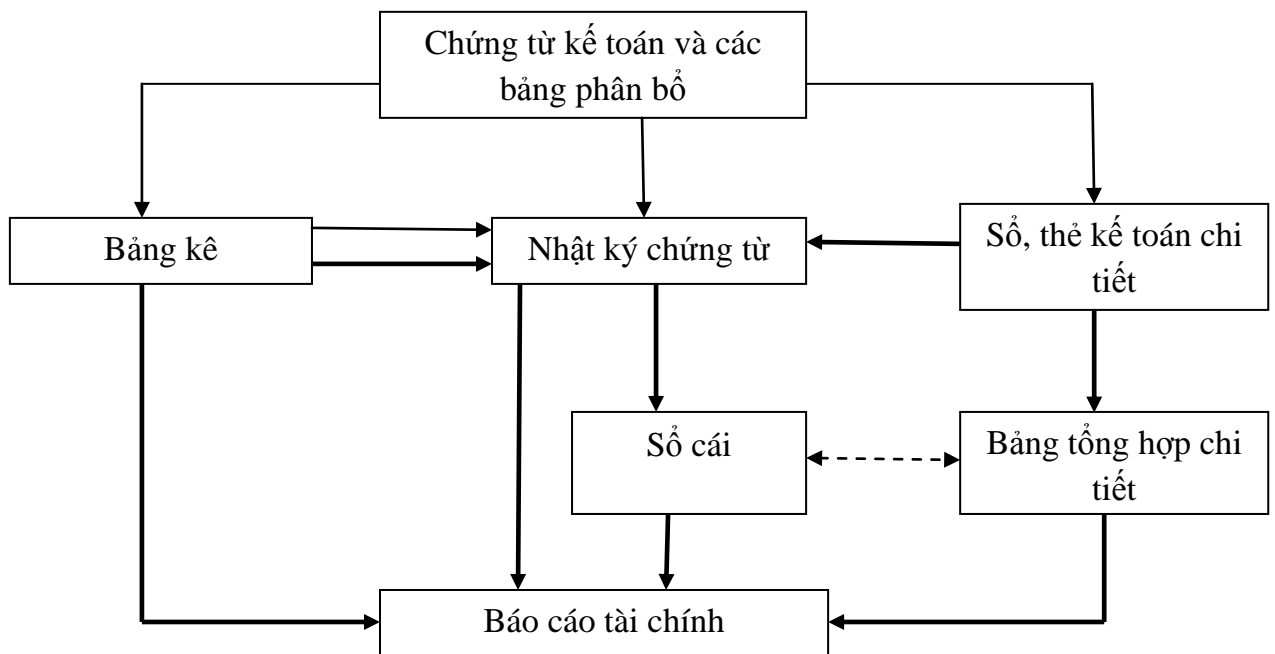
*Đặc trưng cơ bản:* Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ phát sinh theo bên có của tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng nợ.

Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.

Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

*Hình thức Nhật ký - Chứng từ bao gồm các loại sổ chủ yếu:*

- Nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Sổ cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết
- 

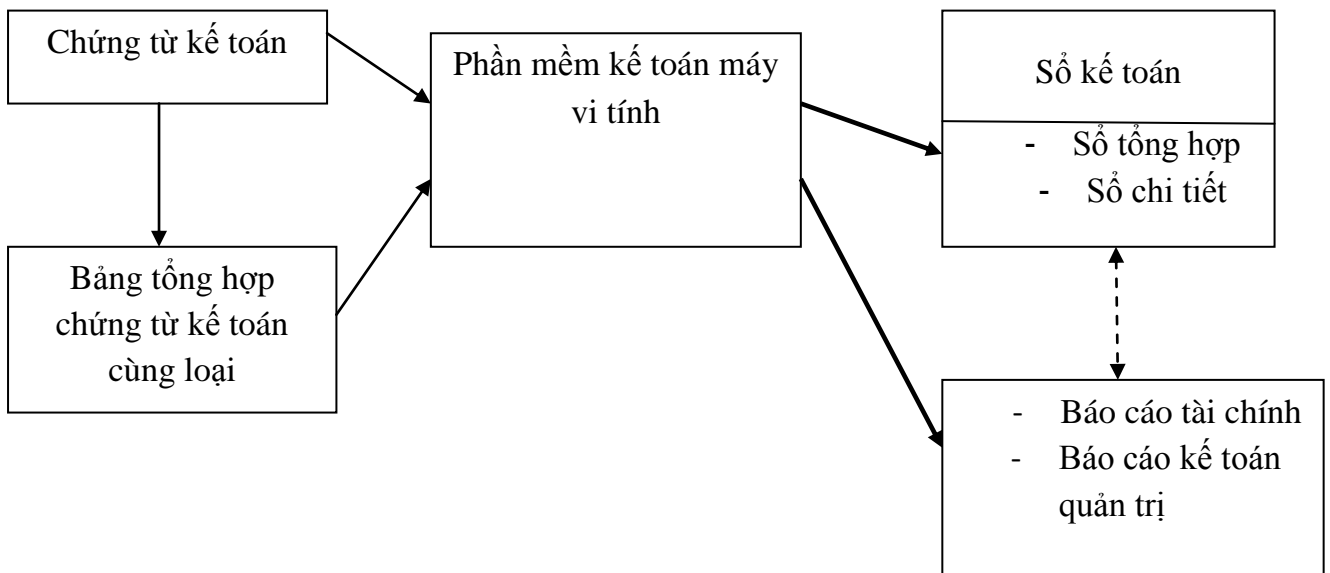


Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chứng từ được thể hiện qua sơ đồ trên

1.2.5.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

*Đặc trưng cơ bản:* Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:  
 Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.



Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính được thể hiện qua sơ đồ trên

Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày →
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm →
- Đối chiếu, kiểm tra ←---→



**CHƯƠNG II:**  
**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ**  
**VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY**  
**C.P THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ STC**

**2.1. Tổng quan về công ty cổ phần thương mại và dịch vụ STC**

**2.1.1. Giới thiệu khái quát về công ty**

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ STC được thành lập vào ngày 12 tháng 03 năm 2003 do sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Tên công ty: Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ STC.

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ STC.

Tên viết tắt: (Không)

\* Địa chỉ: 27C Điện Biên Phủ – Minh Khai – Hồng Bàng – Hải Phòng.

\* Mã số thuế: 0200601128

\* Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần

\* Lĩnh vực kinh doanh: thương mại và dịch vụ

\* Quy mô doanh nghiệp: Vừa và nhỏ

**2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh**

▲ Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Xây dựng công trình đường bộ, đường sắt, công trình công cộng.
- Vận tải hành khách bằng đường bộ, đường thủy nội địa.
- Buôn bán kim loại và quặng kim loại.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa, bốc xếp hàng hóa.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.....
- Vận tải hàng hoá bằng ô tô các loại.
- Vận tải hàng hoá bằng các phương tiện đường bộ khác.
- Xây dựng các công trình xây dựng dân dụng, công trình giao thông thủy lợi (quy mô vừa và nhỏ), kiến trúc xây dựng các công trình hạ tầng đô thị, nông thôn.

**2.1.3. Những thuận lợi và khó khăn của công ty:**

▲ Những thuận lợi, khó khăn

• Thuận lợi

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ STC thuộc loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ nên bộ máy tổ chức đơn giản, gọn nhẹ giúp công tác quản lý kinh doanh dễ dàng thuận tiện.

- Có cơ sở vật chất kĩ thuật phục vụ trong công tác của công nhân viên.

- Là công ty có bộ máy điều hành gọn nhẹ, năng động, bám sát cơ chế thị trường. Có trang thiết bị chuyên dùng, thường xuyên được bổ sung, đổi mới để nắm bắt kịp thời tiến bộ khoa học kỹ thuật.

- Công ty luôn tiếp cận với các thiết bị máy móc mới, áp dụng khoa học tiên tiến, sử dụng những lao động có kỹ thuật tay nghề cao, sáng tạo và chịu khó học hỏi.

- Công ty áp dụng chính sách thưởng phạt rõ ràng, khuyến khích tinh thần làm việc, sự chủ động của nhân viên...

- Công ty kinh doanh đa ngành nghề có khả năng phát triển trong tương lai, với nền kinh tế ngày càng phát triển thì ngành dịch vụ chiếm ưu thế lớn để đáp ứng nhu cầu.

- Phương pháp quản lý khoa học, tạo điều kiện cho người lao động phát huy được năng lực của cán bộ nhân viên

- Có người quản lý giỏi, đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, nhiệt tình, có trình độ chuyên môn.

- Địa bàn hoạt động của công ty không những chỉ ở trong thành phố mà còn được mở rộng ra vùng trọng điểm kinh tế phía bắc và các tỉnh lân cận nên có khả năng được hưởng những tiện ích về cơ sở hạ tầng, những chính sách ưu đãi của nhà nước. Thuận lợi này tạo ra những lợi thế tương đối vững chắc trong quá trình phát triển của doanh nghiệp.

- Trụ sở của công ty nằm ở vị trí khá thuận lợi, vì vậy có rất nhiều thuận lợi trong việc giao dịch kinh doanh, trao đổi về thông tin kinh tế thị trường, chủ động trong việc lựa chọn các hình thức kinh doanh của công ty để đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Công ty có được một người giám đốc có năng lực điều hành, quản lý tốt, có những phương pháp, đường lối chiến lược phát triển công ty hiệu quả. Đây cũng chính là cơ sở làm cho bộ máy công ty vận hành và phát triển

vững chắc trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế. Bên cạnh đó là một đội ngũ cán bộ tham mưu, giúp việc có trình độ chuyên môn cao và kinh nghiệm dày dặn, và một đội ngũ công nhân lành nghề không ngừng học hỏi để nâng cao trình độ.

- **Khó khăn**

- Công ty Cổ Phần Thương Mại và Dịch Vụ STC là một công ty trẻ chưa có vị thế trên thị trường.

- Thị trường có tính cạnh tranh cao, trong thị trường đã có và ngày càng xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh hơn.

- Đội ngũ kỹ sư và công nhân mặt hạn chế về số lượng và chưa được đào tạo chuyên môn nên chưa kịp thời đáp ứng được những công việc đòi hỏi kỹ thuật cao.

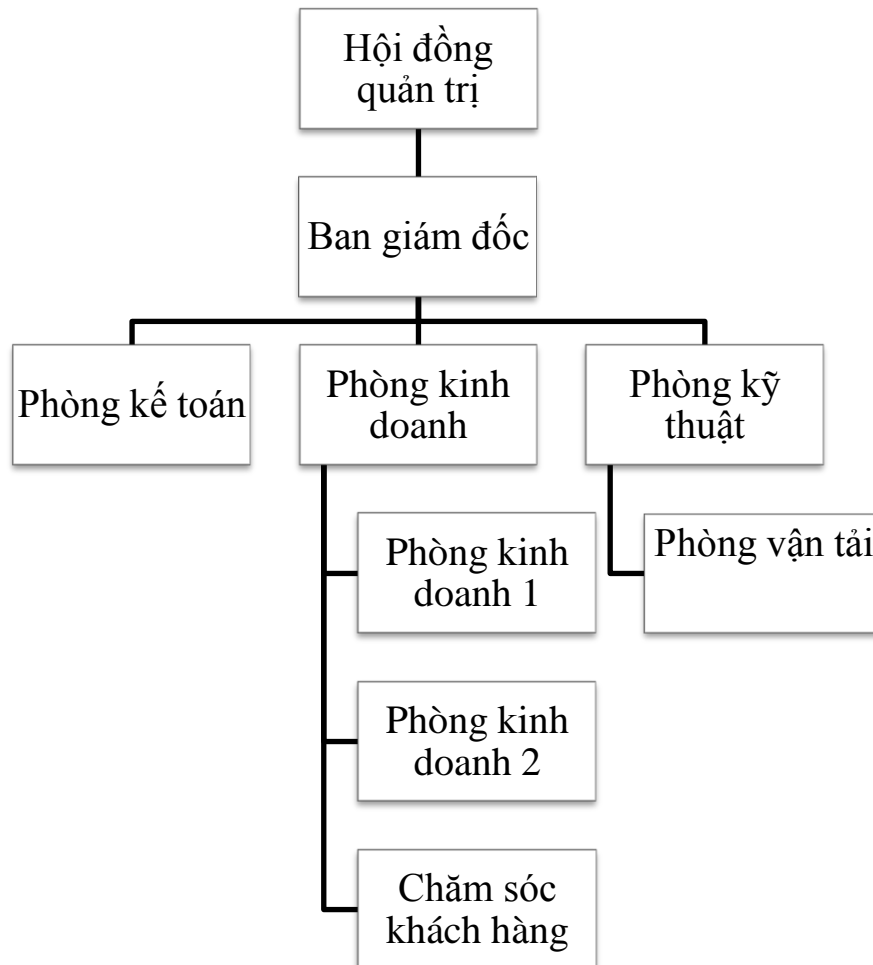
- Nền kinh tế đang gặp khó khăn nên ảnh hưởng rất lớn đến việc phát triển và mở rộng công ty.

- Trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế và đặc biệt là sự kiện Việt Nam chính thức gia nhập tổ chức thương mại thế giới WTO vào đầu tháng 1/2007 vừa qua đánh dấu một bước phát triển mới của nền kinh tế Việt Nam. Đây là cơ hội nhưng cũng là thách thức rất lớn đối với công ty. Gia nhập WTO nền kinh tế bắt đầu mở cửa đối với các doanh nghiệp nước ngoài, đó là những đối thủ cạnh tranh cực kì nặng kí của công ty. Công ty phải chia sẻ thị trường với rất nhiều đối thủ và phải cố gắng nhiều hơn để không bị loại ra khỏi thị trường.

2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty

2.1.4.1. Sơ đồ bộ máy quản lý:

CƠ CẤU TỔ CHỨC SẢN XUẤT, QUẢN LÝ



Sơ đồ 2.1 : Bộ máy quản lý điều hành của Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ STC.

2.1.4.2. Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận, phòng ban

Doanh nghiệp muốn phát triển và tồn tại lớn mạnh ngoài vốn, chuyên môn của từng thành viên trong công ty phải có bộ máy quản lý tốt. Qua sơ đồ trên ta thấy bộ máy nhân sự của công ty được sắp xếp trên cơ sở gọn nhẹ, hiệu quả với các phòng ban được phân cách rõ ràng, phù hợp với công việc kinh doanh của công ty.

- *Hội đồng quản trị*: là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề có liên quan để hoạt động của công ty.

- *Ban giám đốc*: Ban giám đốc của công ty bao gồm Giám đốc và Phó GD  
 + *Giám đốc*: Do HĐQT bổ nhiệm, là người điều hành hoạt động của công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty.

*Phó giám đốc:* Thực hiện các nhiệm vụ do Giám đốc phân công hoặc uỷ quyền. Cụ thể giúp Giám đốc điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh trong công ty. Tham mưu cho Giám đốc trong việc bố trí nhân sự phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của công ty, đề xuất các chiến lược kinh doanh....

*Phòng kế toán:* Đứng đầu phòng kế toán tài vụ là kế toán trưởng chịu trách nhiệm kiểm soát từng thành viên trong phòng và chịu trách nhiệm trước lãnh đạo cấp trên về những báo cáo công việc thực hiện của phòng. Hạch toán, thống kê các hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của nhà nước. Tham mưu giúp việc cho Giám đốc thực hiện nghiêm túc các quy định về kế toán tài chính hiện hành. Thường xuyên cung cấp cho Giám đốc về tình hình tài chính, nguồn vốn, hiệu quả sử dụng vốn. Trong đó Trưởng phòng tài chính kế toán giúp Giám đốc chỉ đạo, quản lý điều hành công tác tài chính và kế toán, xúc tiến và quản lý công tác đầu tư, công tác tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập hoặc chi trả theo chế độ, chính sách đối với người lao động

*Phòng kinh doanh:* Phòng kinh doanh có nhiệm vụ tiến hành xây dựng triển khai thực hiện các kế hoạch kinh doanh, tổng hợp và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Bên cạnh đó, phòng kinh doanh còn phụ trách giao dịch thương thảo, ký kết các hợp đồng với khách hàng. Tổ chức hoạt động Marketing để duy trì và mở rộng thị trường, đa dạng các hình thức dịch vụ, tăng hiệu quả kinh doanh.

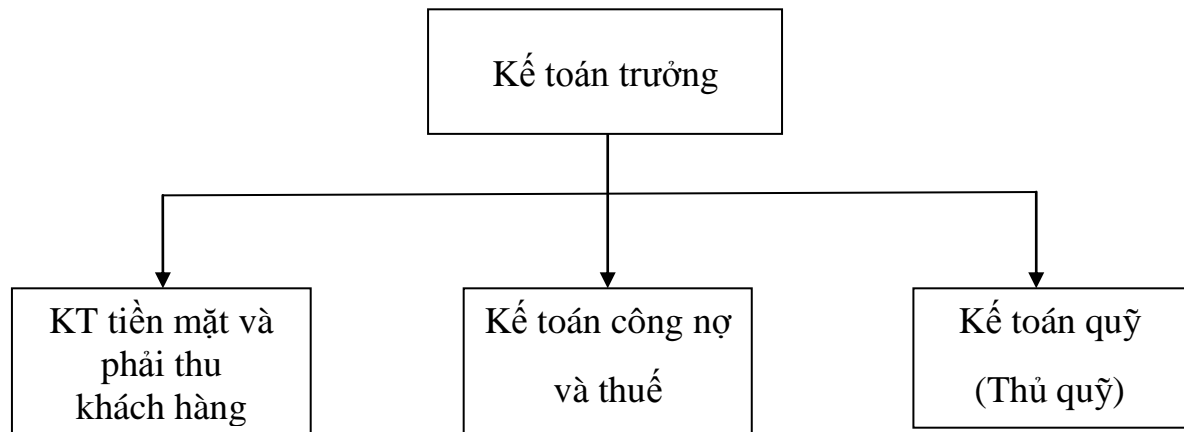
*Phòng kỹ thuật:* có nhiệm vụ chuyên giao sản phẩm đến tay khách hàng, hướng dẫn sử dụng, hỗ trợ kỹ thuật cho khách hàng, nghiệm thu và thanh lý hợp đồng, bảo trì và hỗ trợ khách hàng sử dụng hàng hóa.

### **2.1.5. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty**

#### **2.1.5.1. Mô hình bộ máy kế toán**

Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ STC là một chủ thể hạch toán độc lập, được tổ chức hạch toán theo đúng quy định của Nhà nước. Công ty tổ chức công tác kế toán theo mô hình tập trung, là công ty không có xí nghiệp, chi nhánh trực thuộc. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được phản ánh ghi chép lưu trữ chứng từ, sổ sách kế toán và hệ thống báo cáo đều được thực hiện tại phòng kế toán tài chính của công ty.

▲ Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán

▲ Chức năng của từng bộ phận trong bộ máy kế toán

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ STC: đã áp dụng hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung. Sở dĩ công ty chọn hình thức này xử lý cung cấp thông tin một cách kịp thời.

Phòng kế toán trung tâm của công ty đã thực hiện toàn bộ công tác kế toán từ thu nhận ghi sổ, xử lý thông tin trên hệ thống báo cáo phân tích và tổng hợp của công ty.

*Chức năng của từng bộ phận:*

- *Kế toán trưởng:*

+ Là người chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc về việc chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác kế toán trong công ty. Kiểm tra giám sát các khoản thu chi tài chính, các nghĩa vụ thu nộp ngân sách, thanh toán nợ, kiểm tra việc quản lý sử dụng tài sản và nguồn vốn hình thành tài sản, phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính kế toán. Bên cạnh đó kế toán trưởng còn theo dõi các phần hành sau: theo dõi ngân sách, nhà cung cấp, các khoản thu, theo dõi tài sản cố định, tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, lập báo cáo tài chính, lập tờ khai thuế, tổ chức sử dụng và huy động vốn có hiệu quả nhất.

+ Thường xuyên tham mưu giúp việc cho giám đốc thấy rõ mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị mình, từ đó đề ra biện pháp xử lý. Giúp cho kế toán trưởng là các cán bộ nhân viên làm việc trong văn phòng.

- *Kế toán tiền mặt và phải thu của khách hàng* :theo dõi quỹ tiền mặt và các khoản thanh toán của khách hàng.

- *Kế toán vay và thuế*: có nhiệm vụ mở sổ chi tiết theo dõi các khoản nộp cho ngân sách Nhà nước, các khoản thuế được hoàn lại, được miễn giảm và

thêm sổ chi tiết theo dõi chi tiết từng đối tượng cho vay. Hàng tháng, kế toán thuế có trách nhiệm lập báo cáo thuế gửi lên ban giám đốc và cơ quan thuế và báo cáo về tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước

- *Thu quỹ*: giữ tiền và các khoản tương đương tiền; nhập xuất tiền theo giấy tờ hợp lệ của cơ quan (phiếu chi, phiếu xuất); Lập sổ quỹ tiền mặt, sau đó đối chiếu với sổ cái tiền mặt. Nếu có chênh lệch kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra để xác định rõ nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

**2.1.5.2. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty**

**\*. Chế độ chứng từ, tài khoản kế toán**

Các danh mục chứng từ, tài khoản, hệ thống báo cáo được công ty áp dụng theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các văn bản pháp lý khác hiện hành có liên quan.

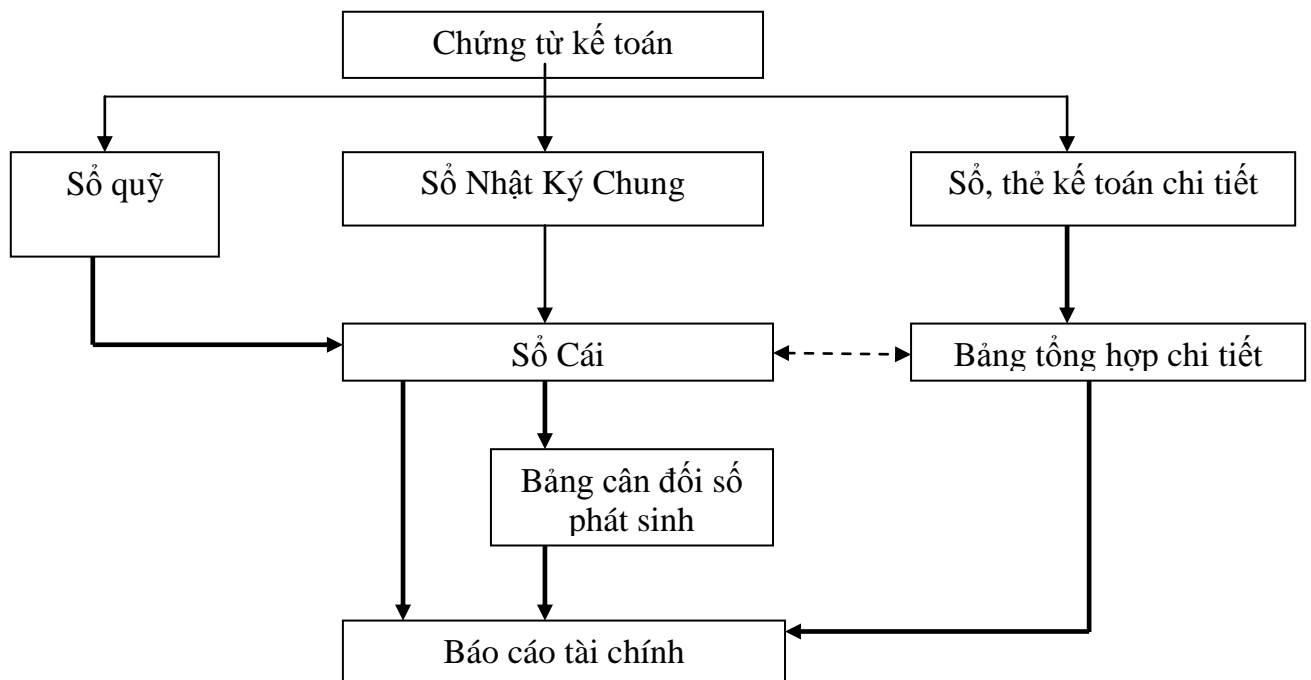
**\*. Phương pháp kế toán**

- Doanh nghiệp hạch toán thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: khấu hao đường thẳng.

**\*. Hình thức kế toán:**

Công ty áp dụng hình thức Nhật Ký Chung

Trình tự ghi sổ kế toán của công ty STC được thể hiện như sau :



Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán

**\*Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày —————>
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ —————>
- Đối chiếu, kiểm tra <----->

Khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán căn cứ vào chứng từ, phân loại chứng từ và hạch toán theo từng phần hành phù hợp với chứng từ đã phân loại. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh này đều được thể hiện trên sổ Nhật ký chung, Sổ cái... Cuối năm, lập bảng cân đối phát sinh tài khoản. Cuối niên độ, kế toán căn cứ vào các sổ kế toán và bảng cân đối phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

## **2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại và dịch vụ STC**

### **2.2.1. Thực trạng công tác kế toán hoạt động kinh doanh chính**

#### **2.2.1.1. Kế toán doanh thu và cung cấp dịch vụ tại Công ty C.P thương mại & dịch vụ STC.**

Công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ STC: là một công ty sản xuất kinh doanh cung cấp các sản phẩm dịch vụ. Cũng như mọi công ty khác, công tác kế toán tiêu thụ, doanh thu cung cấp dịch vụ và xác định kết quả kinh doanh được các nhà quản lý đặc biệt quan tâm. Nó phản ánh tình hình hoạt động kinh doanh của công ty, là cơ sở để xác định nguồn tài chính, phục vụ cho những chiến lược mang tính tài chính của công ty.

Tổ chức kế toán tiêu thụ hàng hóa và xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học hợp lý và chính xác có ý nghĩa rất quan trọng trong công tác lập kế hoạch điều hành, tổ chức thực hiện và quản lý doanh thu nói riêng và phân phối lợi nhuận của toàn công ty nói chung. Tiêu thụ hàng hóa và xác định kết quả kinh doanh góp phần thúc đẩy quá trình sản xuất của công ty cũng như góp phần tăng cường quản lý tài sản, lao động, tiền vốn chặt chẽ có hiệu quả. Đó là một trong những điều kiện quan trọng tạo cho công ty những ưu thế trong cạnh tranh trên thị trường.

#### *\*Tài khoản sử dụng:*

- TK 511: dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định là tiêu thụ trong kỳ, không phân biệt doanh thu đã thu hay sẽ thu được tiền từ đó xác định doanh thu thuần về tiêu thụ.

- Bên nợ:

+ Phản ánh số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu tính trên doanh số bán trong kỳ

+ Kết chuyển doanh thu thuần về tiêu thụ sang TK 911

- Bên có: tổng số doanh thu bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ



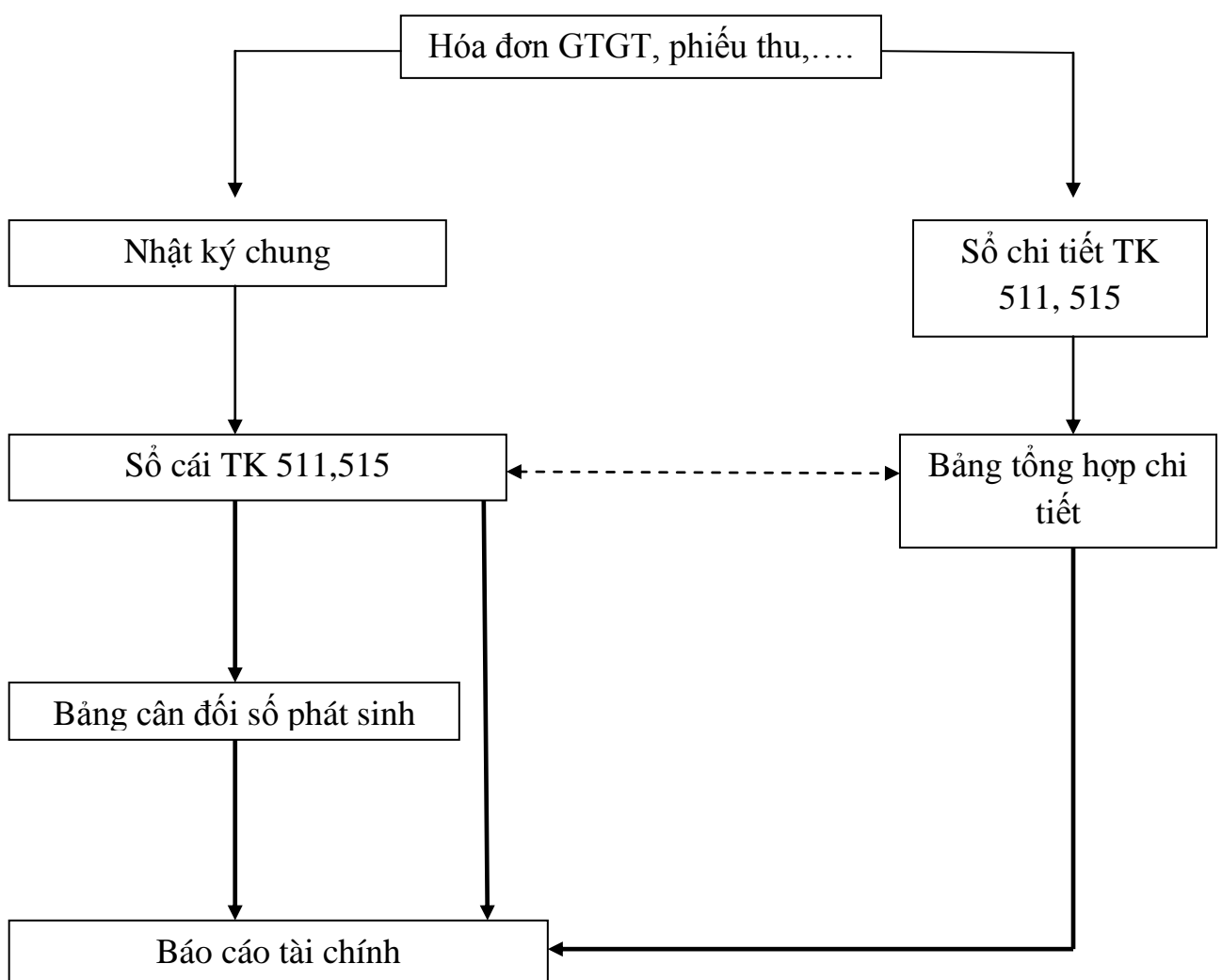
Ngoài ra còn sử dụng các tài khoản liên quan đến doanh thu:

- TK 515: dùng phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia.

\*Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn giá trị gia tăng.
- Hóa đơn vận chuyển.
- Phiếu thu.
- Phiếu chi.
- Giấy báo có của ngân hàng

\*Quy trình hạch toán:



Sơ đồ 2.4: Sơ đồ hạch toán kế toán doanh thu

Hàng tháng căn cứ vào các chứng từ gốc như đơn đặt hàng, hoá đơn GTGT, báo cáo tiêu thu hàng hoá do phòng kinh doanh chuyển lên, kế toán kiểm tra sau đó nhập số liệu vào phiếu kế toán. Sau đó vào các sổ liên quan như sổ cái TK 632, TK 511, TK 911 và một số sổ sách khác có liên quan. Đến cuối quý, kế toán tổng hợp sẽ tổng hợp và lập lên các báo cáo tài chính.

Ví dụ:

Ngày 1/12/2013 Công ty xuất HĐ cước vận chuyển, số tiền 35.000.000 đồng, VAT 10%

Kế toán tiến hành định khoản:

Nợ TK 131:	38.500.000
Có TK 511:	35.000.000
Có TK 3331:	3.500.000

Ngày 15/12/2013 Công ty xuất HĐ cước vận tải, số tiền là 320.000.000 đồng, VAT 10%

Kế toán tiến hành định khoản:

Nợ TK 131:	352.000.000
Có TK 511:	320.000.000
Có TK 3331:	32.000.000

**HOÁ ĐƠN**  
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**  
Liên 3: Nội bộ

Mẫu số: 01 GTKT 3/001  
AA/12P  
0456789

Ngày 1 tháng 12 năm 2013

Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ STC

Địa chỉ: Số 27C Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng

Số tài khoản: 3.003.888-001

Điện thoại..... MST..... 0200601128.....

Họ tên người mua hàng: .....

Tên đơn vị: .....Công ty TNHH TM và DV Vận Tải Hoàng Hưng .....

Địa chỉ: ..... Số 17 dãy 20 Đồng Quốc Bình, Ngô Quyền, Hải Phòng

Số tài khoản: ..... 3.150.002-12.....

Hình thức thanh toán:..Nhận nợ.....MST.....0200869774.....

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Cước vận chuyển hàng hoá				35.000.000
Cộng tiền hàng					35.000.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		3.500.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:					38.500.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng chẵn.</i>					

Người mua hàng  
( Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng  
( Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị  
( Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

( Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)

**HOÁ ĐƠN**  
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01 GTKT 3/001

AA/12P

Liên 3: Nội bộ

0456790

Ngày 15 tháng 12 năm 2013

Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ STC

Địa chỉ: Số 27C Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng

Số tài khoản: 3.003.888-001

Điện thoại..... MST..... 0200601128.....

Họ tên người mua hàng: .....

Tên đơn vị: .....Công ty cổ phần dịch vụ giao nhận hàng hóa TNN.....

Địa chỉ: ..... Số 15 Trần Phú, Ngô Quyền, Hải Phòng

Số tài khoản: ..... 5892029.....Ngân hàng ACB chi nhánh Ngô  
quyền.....

Hình thức thanh toán:..Nhận nợ.....MST.....0200549767.....

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Cước vận chuyển dịch vụ giao nhận hàng hóa.				320.000.000
Cộng tiền hàng					320.000.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			32.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					352.000.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Ba trăm năm mươi hai triệu đồng chẵn.</i>					

Người mua hàng                      Người bán hàng                      Thủ trưởng đơn vị  
( Ký, ghi rõ họ tên)                      ( Ký, ghi rõ họ tên)                      ( Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

( Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 1/12/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang		.....	.....
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
01/12	HD 0456789	01/12	Doanh thu vận chuyển hàng hóa cho công ty Hoàng Hưng	131 511 333	38.500.000	35.000.000 3.500.000
...	...	...	....	...	...	...
04/12	PT 146	04/12	Thu tiền vận chuyển của công ty Hoàng Hưng	111 131	35.000.000	35.000.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
15/12	HD 0456790	15/12	Cước vận chuyển giao nhận hàng hóa của công ty TNN	131 511 333	352.000.000	320.000.000 32.000.000
...	...	...	.....	...	....	....
31/12	PKT 178	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511 911	15.035.312.356	15.035.312.356
			Cộng lũy kế		88.539.895.530	88.539.895.530

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ STC  
Số 27C Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DNN  
(Theo QĐ 48/2006/QĐ- BTC ngày  
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tháng 12 năm 2013

Tên TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Đơn vị tính:

VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		.....	.....
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
01/12	HĐ 0456789	01/12	Doanh thu vận chuyển hàng hóa cho công ty Hoàng Hưng	131		35.000.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
15/12	HĐ 0456790	15/12	Cước vận chuyển giao nhận hàng hóa của công ty TNN	131		320.000.000
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT 178	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	15.035.312.356	
			Cộng số phát sinh		15.035.312.356	15.035.312.356
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**2.2.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty C.P thương mại & dịch vụ STC****\*. Nội dung giá vốn hàng bán tại công ty**

Đối với công ty thương mại dịch vụ, cùng với việc ghi nhận doanh thu, kế toán xác định giá vốn hàng bán căn cứ vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang rồi kết chuyển sang giá vốn, sau đó kế toán tiến hành lập phiếu kế toán.

**\*. Chứng từ sử dụng**

- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Bảng lương
- Phiếu chi
- Các chứng từ có liên quan

**\*. Tài khoản sử dụng**

- TK 632: Giá vốn hàng bán
- TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

**\*. Sổ sách kế toán sử dụng**

- Sổ Nhật Ký chung
- Sổ cái TK 632, TK 154.

**\* Quy trình hạch toán**

Do công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ STC thực hiện hạch toán kế toán theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC, nên không sử dụng các tài khoản 621,622,627 vào việc hạch toán giá thành. Tất cả các chi phí phát sinh của lô hàng sẽ được tập hợp trực tiếp vào tài khoản 154, sau đó kết chuyển ngay sang tài khoản 632 để xác định giá vốn cho lô hàng. Các chi phí chủ yếu bao gồm:

- + Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: chủ yếu là xăng dầu
- + Chi phí nhân công trực tiếp: bao gồm lương của lái xe, phụ xe được trả theo hình thức lương khoán.
- + Chi phí sản xuất chung bao gồm: chi phí sãm lóp, chi phí sửa chữa xe.....

Ví dụ: Ngày 10/12/2013 chi phí tiền xăng xe phục vụ cho việc vận chuyển hàng hóa cho khách hàng, số tiền 7.470.000, phiếu chi 175.

**HÓA ĐƠN**  
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Ký hiệu: AA/12P

Liên 2: Giao cho khách hàng

Số: 0456791

Ngày 10 tháng 12 năm 2013

Đơn vị bán hàng: Công ty Xăng dầu Ngọc Kim Ngân

Địa chỉ: Số 279 Nguyễn Bình Khiêm, Hải Phòng

Số tài khoản: 3.003.888-001

Điện thoại..... MST..... 0200601145.....

Họ tên người mua hàng: .....

Tên đơn vị: .....Công ty cổ phần TM và DV STC .....

Địa chỉ: ..... Số 27C Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng

Số tài khoản: .....

Hình thức thanh toán:..TM.....MST.....0200601128.....

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Xăng	Lít	300	24.900	7.470.000
Cộng tiền hàng					7.470.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		747.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:					8.217.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Tám triệu hai trăm mười bảy nghìn đồng chẵn.</i>					

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

( Ký, ghi rõ họ tên)

( Ký, ghi rõ họ tên)

( Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

( Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)



Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ STC

Mẫu số 02 – TT

Số 27C Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng

(Theo QĐ 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU CHI**

Số: PC 175

Ngày 10/12/2013

Nợ TK 154: 7.470.000

Nợ TK 133: 747.000

Có TK 111: 8.217.000

Họ tên người chi tiền: Đỗ Thu Huyền

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi: Thanh toán tiền xăng xe phục vụ vận chuyển hàng hóa.

Số tiền: 8.217.000

Bằng chữ: Tám triệu hai trăm mười bảy nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: 1 chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Tám triệu hai trăm mười bảy nghìn đồng chẵn.

Ngày 10 tháng 12 năm 2013

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Người chitiên
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Căn cứ vào các chứng từ liên quan như: bảng tính và phân bổ khấu hao, bảng lương, hóa đơn GTGT....Trong tháng 12/2013 tại công ty cổ phần thương mại và dịch vụ STC kế toán tập hợp chi phí và lập PKT kết chuyển giá vốn.

Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ STC

Địa chỉ: Số 27C Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Số 179

Đơn vị tính:

đồng

Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
Tập hợp giá vốn dịch vụ vận chuyển tháng 12	632	154	12.516.160.460
Cộng			12.516.160.460

Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ STC

Địa chỉ: Số 27C Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Số 180

Đơn vị tính:

đồng

Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
Kết chuyển giá vốn xác định kết quả kinh doanh tháng 12/2013	911	632	12.516.160.460
Cộng			12.516.160.460

Công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ STC

Địa chỉ: Số 27C Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng

**BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG**

Tháng 12 năm 2013

STT	Đối tượng sử dụng	Tiền lương			Các khoản trích theo lương				
		Lương cơ bản	Lương hợp đồng	Cộng	BHXH	BHYT	KPCĐ	BHTN	Cộng 338
					17%	3%	2%	1%	
A	B	3	4	5	6	7	8	9	
	642	6.800.000	28.000.000	34.800.000	1.156.000	204.000	136.000	68.000	1.564.000
	154	6.600.000	47.500.000	54.100.000	1.122.000	198.000	132.000	66.000	1.518.000
	334				938.000	201.000		134.000	1.273.000
	Cộng	13.400.000	75.500.000	88.900.000	3.216.000	603.000	268.000	268.000	4.355.000

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 1/12/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang		.....	.....
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
10/12	PC 175	10/12	Thanh toán tiền xăng xe phục vụ vận chuyển hàng hóa	154 133 111	7.470.000 747.000	8.217.000
...	...	...	...	...	...	...
31/12	BPBL T12	31/12	Thanh toán lương các bộ phận	642 154 334 642 154 334 338	34.800.000 54.100.000 1.564.000 1.518.000 1.273.000	88.900.000 4.355.000
31/12	PKT 179	31/12	Tập hợp giá vốn dịch vụ vận chuyển tháng 12/2013	632 154	12.516.160.460	12.516.160.460
31/12	PKT 180	31/12	Kết chuyển giá vốn tháng 12/2013	911 632	12.516.160.460	12.516.160.460
			Cộng lũy kế		88.539.895.530	88.539.895.530

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



**SỔ CÁI**

Tháng 12 năm 2013

Tên TK: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		.....	.....
31/12	PKT 179	31/12	Tập hợp giá vốn dịch vụ vận chuyển tháng 12	154	12.516.160.460	
31/12	PKT 180	31/12	Kết chuyển giá vốn tháng 12/2013	911		12.516.160.460
			Cộng số phát sinh		12.516.160.460	12.516.160.460
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**2.2.1.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty C.P thương mại & dịch vụ STC.**

Chi phí quản lý kinh doanh là toàn bộ chi phí phục vụ cho việc quản lý điều hành hoạt động kinh doanh cũng như bán hàng của công ty. Chi phí quản lý kinh doanh dù cao hay thấp cũng đều có ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, công ty phải giảm thiểu chi phí quản lý kinh doanh để góp phần làm tăng lợi nhuận.

Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm:

Chi phí quản lý kinh doanh: được sử dụng để phản ánh các khoản chi phí liên quan đến quản lý doanh nghiệp. Chi phí này chủ yếu là chi phí về tiền lương, vật liệu văn phòng, phí và lệ phí, các khoản chi phí khác liên quan đến quản lý doanh nghiệp.

Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp xác định kết quả kinh doanh. Toàn bộ chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào tài khoản 911 – xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

**\*. Chứng từ sử dụng**

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo Nợ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- Và các chứng từ khác có liên quan...

**\*. Tài khoản sử dụng**

Kế toán sử dụng tài khoản 642.

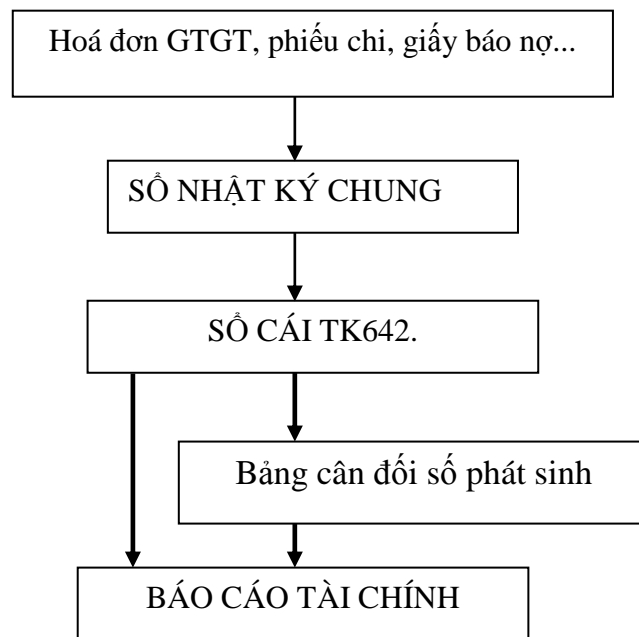
**\*.Sổ sách kế toán sử dụng:**

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái các tài khoản

*\*. Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh*

Hàng ngày, căn cứ vào Hoá đơn GTGT, phiếu chi, giấy báo nợ, Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội...kế toán ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến chi phí quản lý kinh doanh vào Sổ nhật ký chung. Sau đó tiến hành vào Sổ cái TK642.

Cuối tháng, số liệu trên Sổ cái được dùng để lập Bảng cân đối số phát sinh.



*Sơ đồ 2.5: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh*

Ghi chú:

- > Ghi cuối tháng
- > Ghi hàng ngày



***Ví dụ minh họa:*****Ví dụ:**

*Ngày 15/12/2013, công ty đã chi tiền mặt thanh toán tiền điện thoại tháng 11 của công ty.*

**▲ Kế toán định khoản:**

Nợ TK642: 1.344.090

Nợ TK133: 134.409

Có TK111: 1.478.499

▲ Căn cứ vào Hoá đơn dịch vụ viễn thông(*Biểu 2.9*), kế toán lập phiếu chi số 180(*Biểu 2.10*).

Từ bút toán trên, kế toán vào Sổ nhật ký chung(*Biểu 2.11*) và Sổ cái TK642(*Biểu 2.12*).

**Ví dụ:**

*Ngày 25/11/2013, thanh toán tiền tiếp khách cho Trưởng phòng kỹ thuật thi công, Số tiền 2.255.000đ.*

**▲ Kế toán định khoản:**

Nợ TK642: 2.050.000

Nợ TK133: 205.000

Có TK111: 2.255.000

▲ Căn cứ vào Giấy đề nghị thanh toán ngày 25/11(*Biểu 2.13*), Hoá đơn GTGT0002103(*Biểu 2.14*) và kế toán viết Phiếu chi số 181(*Biểu 2.15*).

Từ các chứng từ trên, kế toán tiến hành vào Sổ Nhật ký chung(*Biểu 2.11*) và Sổ cái TK642(*Biểu 2.16*).



**HOÁ ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN  
THÔNG(GTGT)  
TELECOMMUNICATION SERVICE  
INVOICE(VAT)**

Mẫu số:  
01GTKT2/001  
Ký hiệu(Serial  
No):AD/11T  
Số(No): **0117934**

Liên 2: Giao khách hàng(Customer)

Mã số thuế

5	7	0	0	1	0	1	4	3	6
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Viễn thông(Telecommunication): Hải Phòng

Địa chỉ:.....

Tên khách hàng(Customer's name): Công ty CP thương mại & dịch vụ STC.

Địa chỉ(Address): Số 27C Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng

Hình thức thanh toán (Kind of Payment).....

MST: 0200601128

STT (NO)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	ĐVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG (QUANTITY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT)VND
1	2	3	4	5	6=4x5
	A. Cước các DV di động phát sinh 11/2013 B. Cước chuyển vùng không chịu thuế 11/2013				1.344.090
Cộng tiền dịch vụ (Total) (1):					1.344.090
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% x (1) = Tiền thuế GTGT (VAT amount) (2):					134.409
Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (1+2):					1.478.499

Số tiền viết bằng chữ (In words): **Một triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi chín đồng.**

**Người nộp tiền ký**  
(Signature of paper)

*Ngày 15 tháng 12 năm 2013*  
**Nhân viên giao dịch ký**  
(Signature of dealing staff)

*Biểu 2.9: Hoá đơn dịch vụ viễn thông*

C.TY CP TM & DỊCH VỤ STC  
 Số 27C Điện Biên Phủ, Hồng Bàng,  
 Hải Phòng

Mẫu số 02 -TT  
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU CHI**

*Ngày 15 tháng 12 năm 2013*

Số: 180

Nợ: TK642: 1.344.090

Nợ: TK133: 134.409

Có: TK111: 1.478.499

Người nhận tiền: Nguyễn Thị Huyền

Địa chỉ: Phòng Kế toán

Lý do chi: Thanh toán tiền điện thoại tháng 11/2013

Số tiền: **1.478.499** (Viết bằng chữ): **Một triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi chín đồng.**

Kèm theo: 01 chứng từ gốc: Hoá đơn 0432722

*Ngày 15 tháng 12 năm 2013*

<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán</b>	<b>Thủ quỹ</b>	<b>Người lập</b>	<b>Người nhận</b>
(Ký, họ tên,	<b>trưởng</b>	(Ký, họ	<b>phiếu</b>	<b>tiền</b>
đóng dấu)	(Ký, họ tên)	tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ):**Một triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi chín đồng.**

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi: .....

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu).

*Biểu 2.10: Phiếu chi số 180*

C.TY CP TM & DỊCH VỤ STC  
Số 27C Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số 05 -TT  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN**

*Ngày 25 tháng 12 năm 2013*

Kính gửi: Công ty CP thương mại & dịch vụ STC.

Bộ phận(Hoặc địa chỉ): Phòng kỹ thuật

Nội dung thanh toán: Chi tiền tiếp khách ngày 23 tháng 11 năm 2013

Số tiền: **2.255.000** (Viết bằng chữ): **Hai triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng.**

*(Kèm theo 01 chứng từ gốc: Hoá đơn GTGT 0002103)*

**Người đề nghị thanh  
toán**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Người duyệt**  
(Ký, họ tên)

*Biểu 2.13: Giấy đề nghị thanh toán*

**HOÁ ĐƠN**  
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**  
 Liên 2: Giao khách hàng  
 Ngày 23 tháng 12 năm 2013

Mẫu số: 01GTKT3/001  
 Ký hiệu: AA/12P  
 Số: **0002103**

Đơn vị bán hàng: <b>Công ty TNHH Thương mại Vui Chơi Giải Trí Minh Châu</b> Mã số thuế: <b>02012249484</b> Địa chỉ: Số 1/2B Lê Hồng Phong- Đông Khê- Ngô Quyền- Hải Phòng. Điện thoại: ..... Fax: ..... Số tài khoản:..... Ngân hàng:.....															
Họ tên người mua hàng: Lê Trung Nam. Tên đơn vị: <b>Công ty C.P thương mại &amp; dịch vụ STC.</b> Địa chỉ: Số 27C Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng Số tài khoản:..... Ngân hàng:..... Hình thức thanh toán: <b>Tiền mặt</b> Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle; margin-left: 10px;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">8</td> </tr> </table>						0	2	0	0	6	0	1	1	2	8
0	2	0	0	6	0	1	1	2	8						
TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền										
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6=4x5</b>										
01	Tiếp khách		01	2.050.000	2.050.000										
Cộng tiền hàng:.....2.050.000 Thuế suất GTGT:10% Tiền thuế GTGT:.....205.000 Tổng cộng tiền thanh toán:.....2.255.000															
<b>Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng./.</b>															

**Người mua hàng**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

**Người bán hàng**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

*Biểu 2.14: Hoá đơn GTGT0002103*

C.TY CP TM & DỊCH VỤ STC  
 Số 27C Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, HP (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU CHI**

*Ngày 25 tháng 12 năm 2013*

Số: 181

Nợ TK642: 2.050.000

Nợ TK133: 205.000

Có TK111: 2.255.000

Người nhận tiền: Lê Trung Nam

Địa chỉ: Phòng Kỹ thuật

Lý do chi: Chi tiền tiếp khách ngày 23/12/2013

Số tiền: **2.255.000** (Viết bằng chữ): **Hai triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng./.**

Kèm theo: 01 chứng từ gốc: Hoá đơn 0002103

*Ngày 25 tháng 12 năm 2013*

<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán</b>	<b>Thủ quỹ</b>	<b>Người lập</b>	<b>Người nhận</b>
(Ký, họ tên,	<b>trưởng</b>	(Ký, họ	<b>phiếu</b>	<b>tiền</b>
đóng dấu)	(Ký, họ tên)	tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ):Hai triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng./.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi: .....

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu).

*Biểu 2.15: Phiếu chi số 181*

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ STC

Mẫu số S03a – DNN

Số 27C Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng

(Theo QĐ 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 1/12/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang		.....	.....
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
01/12	HĐ 0456789	01/12	Doanh thu vận chuyển hàng hóa cho công ty Hoàng Hưng	131 511 333	38.500.000	35.000.000 3.500.000
15/12	PC 180	15/12	Thanh toán tiền điện thoại tháng 11/2013	642 133 111	1.344.090 134.409	1.478.499
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
25/12	PC 181	25/12	Thanh toán tiền chi phí tiếp khách	642 133 111	2.050.000 205.000	2.255.000
31/12	PC 182	31/12	Thanh toán tiền in HĐ	642 133 111	5.000.000 500.000	5.500.000
31/12	PKT 181	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911 642	2.422.432.689	2.422.432.689
			Cộng lũy kế		88.539.895.530	88.539.895.530

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ STC  
Số 27C Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DNN  
(Theo QĐ 48/2006/QĐ- BTC ngày  
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tháng 12 năm 2013

Tên TK: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		.....	.....
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
15/12	PC 180	15/12	Thanh toán tiền điện	111	1.344.090	
...	...	...	....	...	...	....
25/12	PC 181	25/12	Chi tiền tiếp khách	111	2.050.000	
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PC 182	31/12	Thanh toán tiền in hóa đơn	111	5.000.000	
31/12	BPBL T12	31/12	Thanh toán lương các bộ phận	334 338	34.800.000 1.564.000	
31/12	PKT 181	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911		2.422.432.689
			Cộng số phát sinh		2.422.432.689	2.422.432.689
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



**2.2.2. Kế toán hoạt động tài chính tại Công ty C.P thương mại & dịch vụ STC (Kế toán doanh thu hoạt động tài chính)**

**2.2.2.1. Nội dung kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

Công ty chú trọng vào việc bán hàng và xây dựng các công trình nên trong quá trình hoạt động công ty không tham gia vào các hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn liên doanh... Công ty chỉ tranh thủ lúc vốn nhàn rỗi gửi vào ngân hàng. Vì vậy doanh thu hoạt động tài chính chỉ phát sinh do các khoản lãi nhận từ ngân hàng.

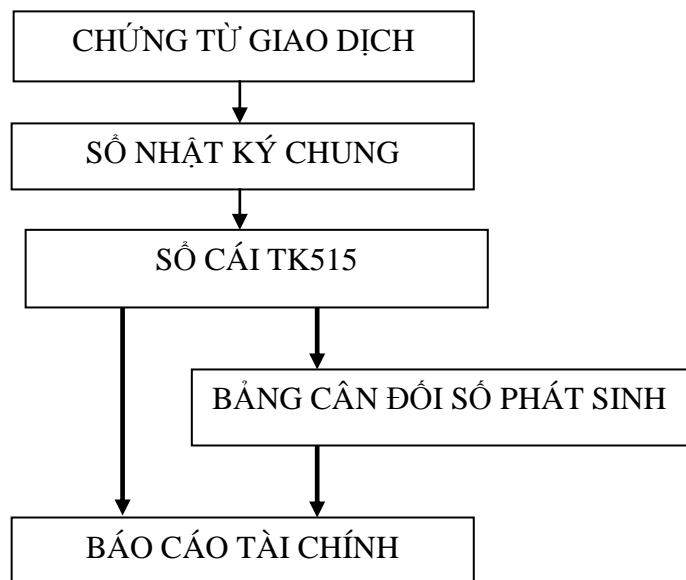
**2.2.2.2. Chứng từ sử dụng**

- Chứng từ giao dịch của ngân hàng.
- Và các chứng từ liên quan...

**2.2.2.3. Tài khoản sử dụng**

Để phản ánh Doanh thu hoạt động tài chính, kế toán sử dụng tài khoản 515 – “Doanh thu hoạt động tài chính”.

**2.2.2.4. Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính**



Sơ đồ 2.6: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

Ghi chú:

- > Ghi cuối tháng
- > Ghi hàng ngày

*Ví dụ minh họa:*

Ví dụ:

*Ngày 31 tháng 12 năm 2013, nhập lãi tiền gửi Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn – chi nhánh Hải Phòng số tiền 354.300VNĐ theo Chứng từ giao dịch.*

▲ Kế toán định khoản:

Nợ TK112: 354.300

Có TK515: 354.300

▲ Căn cứ vào Chứng từ giao dịch (*Biểu 2.17*), kế toán vào Sổ Nhật ký chung(*Biểu 2.18*) và Sổ cái TK515(*Biểu 2.19*)

**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔNG VIỆT NAM**

**Chi nhánh Hải Phòng  
Mã số thuế của CN: 5700101235  
CHỨNG TỪ GIAO DỊCH**

**Liên 2: Trả khách hàng**

**Số Seri: 801212A000000210**

<b>Tên khách hàng</b> (Customer Name) <b>CTY CP TM &amp; DỊCH VỤ STC</b> Số 27C Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng <b>Mã số thuế của KH</b>	<b>Ngày giao dịch</b> (Date) <b>31/12/2013</b>
---	---

**Thông báo với quý khách hàng** (This is to certify that)

- Chúng tôi đã ghi nợ vào TK của quý khách hoặc nhận bằng tiền mặt số tiền sau.**  
(We have debited the following amount from your account/or received by cash.)
- Chúng tôi đã ghi có vào TK của quý khách hoặc đã trả bằng tiền mặt số tiền sau.**  
(We have credited the following amount to your account/or paid by cash.)

<b>Diễn giải</b> (Description)	<b>Biên lai lãi tiền gửi</b>		
<b>Số TK</b> (A/C No.)	<b>8012201001189</b>	<b>Số GD</b> (Ref)	

<b>Chi tiết</b> (Item)	<b>Số tiền</b> (Amount)			<b>Diễn giải</b> (Remark)
<b>Lãi nhập gốc</b>	<b>D</b>	<b>VND</b>	<b>354.300</b>	<b>31/12/2013</b>
<b>Tổng</b>		<b>VND</b>	<b>354.300</b>	

**First Interest Amount : 354.300**  
**Term: 01/12/2013-31/12/2013**  
**Base Rate: 2.4 + Interest Rate: 0 = 2.4%**

Người in: Vũ Ngọc Nga

D: Nợ, C: Có

Trang: 1/1

Ngày in: 31/12/2013

<b>Khách hàng</b>	<b>Giao dịch viên</b>	<b>Kiểm soát</b>	<b>Giám đốc</b>
-------------------	-----------------------	------------------	-----------------

*Biểu 2.17: Chứng từ giao dịch*

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ STC

Mẫu số S03a – DNN

Số 27C Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng (Theo QĐ 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 1/12/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang		.....	.....
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
01/12	HD 0456789	01/12	Doanh thu vận chuyển hàng hóa cho công ty Hoàng Hưng	131 511 333	38.500.000	35.000.000 3.500.000
...	...	...	...	...	...	...
15/12	PC 180	15/12	Thanh toán tiền điện thoại tháng 11/2013	642 133 111	1.344.090 134.409	1.478.499
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
25/12	PC 181	25/12	Thanh toán tiền chi phí tiếp khách	642 133 111	2.050.000 205.000	2.255.000
...	...	...	...	...	...	.....
31/12	PC 182	31/12	Thanh toán tiền in HD	642 133 111	5.000.000 500.000	5.500.000
31/12	CTGD	31/12	Ngân hàng trả lãi tiền gửi	112 515	354.300	354.300
31/12	PKT 182	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính	515 911	30.018.057	30.018.057
			Cộng lũy kế		88.539.895.530	88.539.895.530

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

*Biểu 2.18 : Sổ Nhật ký chung*

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ STC

Mẫu số S03a – DNN

Số 27C Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng

(Theo QĐ 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tháng 12 năm 2013

Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/12	CTGD	31/12	Ngân hàng trả lãi tiền vay	112		354.300
31/12	PKT 182	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính	911	30.018.057	
			Cộng số phát sinh		30.018.057	30.018.057
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)*Biểu 2.19 : Sổ Cái*

**2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP thương mại & dịch vụ STC.****2.2.3.1. Nội dung kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty**

Cuối kỳ, kế toán tiến hành kết chuyển Doanh thu thuần, Doanh thu hoạt động tài chính vào bên Nợ của TK911. Đồng thời kết chuyển Giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh vào bên Có của TK911.

+ Nếu tổng số phát sinh bên Nợ của TK911 lớn hơn tổng số phát sinh bên Có của TK911 thì kế toán kết chuyển phần chênh lệch sang bên Nợ TK421:

Nợ TK421

Có TK911

+ Nếu tổng số phát sinh bên Nợ của TK911 nhỏ hơn tổng số phát sinh bên Có của TK911 thì chứng tỏ doanh nghiệp kinh doanh có lãi. Kế toán tính thuế TNDN phải nộp nhà nước như sau:

Thu nhập chịu thuế = SPS bên Có TK911 – SPS bên Nợ TK911

Thuế TNDN = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN(25%)

Khi xác định được số thuế thu nhập phải nộp, kế toán căn cứ vào số thuế thu nhập doanh nghiệp đã trích nộp đầu các quý để tính số thuế thu nhập còn phải nộp hay được ghi giảm.

Sau khi tính được số thuế thu nhập phải nộp, kế toán thực hiện kết chuyển chi phí thuế TNDN sang bên Nợ TK 911. Từ đó xác định số lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp để kết chuyển sang bên Có TK 421–Lợi nhuận sau thuế:

Nợ TK911

Có TK421

**2.2.3.2. Chứng từ sử dụng**

Phiếu kế toán

**2.2.3.3. Tài khoản sử dụng**

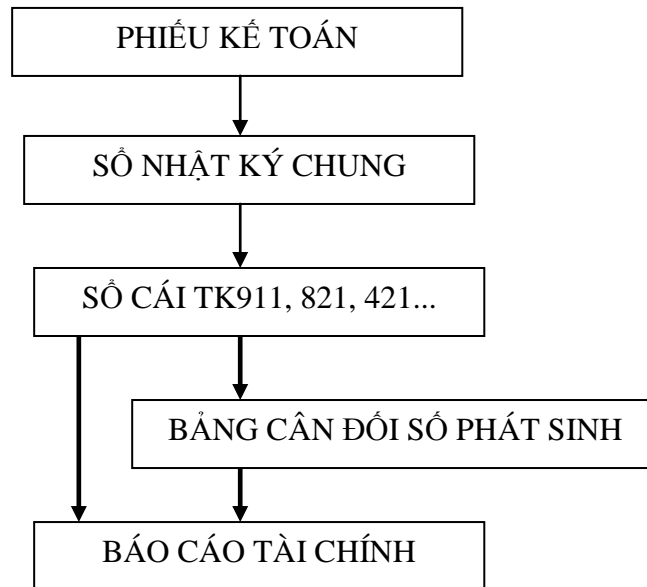
Tài khoản 911 – xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài khoản 421 - Lợi nhuận chưa phân phối

Và các tài khoản liên quan.

2.2.3.4. Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 2.7: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

Ghi chú:

- Ghi cuối tháng
- Ghi hàng ngày

Cuối kỳ, kế toán lập các Phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Căn cứ vào các Phiếu kế toán, các nghiệp vụ được ghi chép vào Sổ nhật ký chung. Từ Sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái các tài khoản có liên quan. Số liệu trên Sổ cái được phản ánh vào Bảng cân đối số phát sinh. Từ Bảng cân đối số phát sinh, kế toán tiến hành lập Báo cáo tài chính

**C.TY CP TM & DỊCH VỤ STC**

Số 27C Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Số 178

STT	NỘI DUNG	TK NỢ	TK CÓ	SỐ TIỀN
1	Kết chuyển doanh thu thuần	511	911	15.035.312.356
	<b>Cộng</b>			<b>15.035.312.356</b>

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

Biểu 2.20: Phiếu kế toán số 178

**C.TY CP TM & DỊCH VỤ STC**

Số 27C Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Số 180

STT	NỘI DUNG	TK NỢ	TK CÓ	SỐ TIỀN
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	12.516.160.460
	<b>Cộng</b>			<b>12.516.160.460</b>

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

Biểu 2.21: Phiếu kế toán số 180

**C.TY CP TM & DỊCH VỤ STC**

Số 27C Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Số 181

STT	NỘI DUNG	TK NỢ	TK CÓ	SỐ TIỀN
1	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	2.422.432.689
	<b>Cộng</b>			<b>2.422.432.689</b>

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

Biểu 2.22: Phiếu kế toán số 181



**C.TY CP TM & DỊCH VỤ STC**

Số 27C Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Số 182

STT	NỘI DUNG	TK NỢ	TK CÓ	SỐ TIỀN
1	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	30.018.057
	<b>Cộng</b>			<b>30.018.057</b>

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

Biểu 2.23: Phiếu kế toán số 182

**C.TY CP TM & DỊCH VỤ STC**

Số 27C Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Số 183

STT	NỘI DUNG	TK NỢ	TK CÓ	SỐ TIỀN
1	Xác định thuế TNDN	821	3334	31.684.315
	<b>Cộng</b>			<b>31.684.315</b>

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

Biểu 2.24: Phiếu kế toán số 183

**C.TY CP TM & DỊCH VỤ STC**

Số 27C Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Số 184

STT	NỘI DUNG	TK NỢ	TK CÓ	SỐ TIỀN
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành	911	821	31.684.315
	<b>Cộng</b>			<b>31.684.315</b>

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu 2.25: Phiếu kế toán số 184

**C.TY CP TM & DỊCH VỤ STC**

Số 27C Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Số 185

STT	NỘI DUNG	TK NỢ	TK CÓ	SỐ TIỀN
1	Kết chuyển lãi	911	421	95.052.945
	<b>Cộng</b>			<b>95.052.945</b>

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu 2.26: Phiếu kế toán số 185

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 1/12/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang		.....	.....
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12	PKT 178	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần	511 911	15.035.312.356	15.035.312.356
31/12	PKT 180	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911 632	12.516.160.460	12.516.160.460
31/12	PKT 181	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911 642	2.422.432.689	2.422.432.689
31/12	PKT 182	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động kinh doanh	515 911	30.018.057	30.018.057
31/12	PKT 183	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	821 3334	31.684.315	31.684.315
31/12	PKT 184	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911 821	31.684.315	31.684.315
31/12	PKT 185	31/12	Kết chuyển lãi	911 421	95.052.945	95.052.945
			Cộng lũy kế		88.539.895.530	88.539.895.530

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ STC  
Số 27C Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DNN  
(Theo QĐ 48/2006/QĐ- BTC ngày  
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tháng 12 năm 2013

Tên TK: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		.....	.....
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12	PKT 178	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần	511		15.035.312.356
31/12	PKT 180	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	12.516.160.460	
31/12	PKT 181	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	2.422.432.689	
31/12	PKT 182	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động kinh doanh	515		30.018.057
31/12	PKT 183	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	821	31.684.315	
31/12	PKT 184	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	31.684.315	
31/12	PKT 185	31/12	Kết chuyển lãi	421		95.052.945
			Cộng số phát sinh		88.539.895.530	88.539.895.530
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kê toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

C.TY CP TM & DỊCH VỤ STC  
Số 27C Điện Biên Phủ, Hồng  
Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03b - DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu: 821

Năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh					
31/12	PKT183	31/12	Xác định thuế TNDN			3334	31.684.315	
31/12	PKT184	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN			911		31.684.315
			Cộng phát sinh				31.684.315	31.684.315
			Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.27: Sổ cái tài khoản 821

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Tra ng số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				36.352.744	
			Số phát sinh					
31/12	PKT185	31/12	Kết chuyển lãi			911		95.052.943
			Cộng phát sinh					95.052.943
			Số dư cuối kỳ					58.700.201

*Ngày 31 tháng 12 năm 2013*

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

*Biểu 2.29: Sổ cái tài khoản 421*

**CHƯƠNG III:****MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN  
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH  
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ STC****3.1. Đánh giá chung về công tác tốt chức kế toán tại công ty cổ phần thương mại và dịch vụ STC**

Những khủng hoảng, biến động của nền kinh tế thị trường đã ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong những năm gần đây. Đó đó, bên cạnh những thuận lợi công ty vẫn phải đương đầu với không ít khó khăn từ các yếu tố khách quan cùng nhu cầu chủ quan mang lại. Mặc dù vậy với tiềm năng sẵn có cùng với sự lãnh đạo của Ban giám đốc công ty, sự năng động, sáng tạo nhiệt tình của toàn thể công nhân viên, công ty đã đạt được một số thành tựu trong kinh doanh và ngày càng được khách hàng tín nhiệm.

Để đạt được thành tựu như vậy không thể không kể đến sự nỗ lực phấn đấu và những kết quả đạt được của công tác kế toán. Việc phân chia công việc một cách rõ ràng, phù hợp với trình độ, năng lực của mỗi người và yêu cầu quản lý của công ty, đồng thời thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa các kế toán viên dưới sự quản lý của kế toán trưởng đã góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của từng nhân viên trong phòng đem lại hiệu quả cao trong công việc. Qua thời gian thực tập tại công ty cổ phần thương mại và dịch vụ STC với việc nghiên cứu đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại và dịch vụ STC”, em xin đưa ra một số nhận xét như sau:

**3.1.1. Những ưu điểm của công tác kế toán tại Công ty**

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ STC luôn đạt hiệu quả cao trong lĩnh vực kinh doanh đảm bảo đầy đủ công ăn việc làm cho người lao động, thu nhập cán bộ công nhân viên ổn định. Đồng thời thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước đầy đủ. Điều đó khẳng định vai trò và vị thế của công ty trên toàn quốc.

➤ Về cơ cấu bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh: công ty đã tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động thực sự hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời và nhanh chóng

➤ Về tổ chức bộ máy kế toán của công ty: Cán bộ kế toán có tính độc lập trình độ năng lực chuyên môn cao, có nhiệt tình và lòng yêu nghề luôn hoàn

thành tốt nhiệm vụ được giao. Nhiều năm liền chưa để xảy ra sai phạm đáng kể trong kinh tế tài chính, hạch toán thống kê. Do vậy mà bộ máy của công ty luôn ổn định và đảm bảo.

Giám sát và quản lý các chi phí phát sinh theo đúng pháp luật và quy định của công ty. Điều này giúp cho công tác quản lý của công ty nói chung và công tác kế toán nói riêng không ngừng củng cố và lớn mạnh.

\*Nhìn chung công ty thực hiện đúng và đầy đủ chế độ kế toán cũng như chuẩn mực ban hành cụ thể.

➤ **Chứng từ kế toán:** Kế toán sử dụng hệ thống chứng từ kế toán đúng chế độ kế toán của Bộ tài chính ban hành. Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ phát sinh. Những thông tin về nghiệp vụ kế toán được ghi đầy đủ, chính xác vào chứng từ tạo điều kiện cho tìm kiếm, kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. Trình tự luân chuyển chứng từ đảm bảo cho chứng từ lập ra có cơ sở thực tế, cơ sở pháp lý. Việc lưu trữ chứng từ tương đối khoa học và được giám sát chặt chẽ, các kế toán ở phần hành nào thì lưu trữ chứng từ liên quan đến phần hành đó. Vì vậy đảm bảo tính không chồng chéo và nguyên tắc phân công phân nhiệm rõ ràng

➤ **Về sổ sách kế toán:** các sổ sách kế toán được thực hiện rõ ràng lưu trữ theo đúng chuẩn mực và quy định của nhà nước. Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung. Ưu điểm của phương pháp này là tránh được việc ghi chép trùng lặp, đảm bảo thông tin kịp thời cho công tác quản lý kinh doanh và tổng hợp số liệu nhanh để lưu báo cáo tài chính một cách chính xác.

➤ **Về tài khoản sử dụng:** Công ty áp dụng theo đúng chuẩn mực trong báo cáo tài chính doanh nghiệp ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ –BTC của bộ trưởng bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán ban hành và các thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung.

➤ **Về hạch toán kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

- Công ty nắm bắt nhanh những thông tin kinh tế của những thay đổi về cơ chế theo đúng chế độ kế toán đã áp dụng cho đơn vị mình một cách phù hợp đặc biệt là về hạch toán doanh thu chi phí và xác định kết quả sản xuất kinh doanh tại đơn vị. Được sự hướng dẫn của kế toán trưởng của công ty nên công tác hạch toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty hiện nay rất nhanh chóng, chính xác.



- Việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả sản xuất kinh doanh đảm bảo thống nhất về nhiệm vụ và phương pháp tính toán các chỉ tiêu, đáp ứng yêu cầu của ban giám đốc trong việc cung cấp các thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh của toàn doanh nghiệp một cách kịp thời và chính xác

### **3.1.2. Nhược điểm:**

Bên cạnh những ưu điểm trên về tình hình doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty cổ phần thương mại và dịch vụ STC cũng còn nhiều điểm hạn chế.

➤ *Về tổ chức bộ máy kế toán:* Hiện nay Công ty chỉ có 4 cán bộ kế toán trình độ chuyên môn cao tuy nhiên việc phân công công việc chưa hợp lý dẫn đến tình trạng số lượng nhân viên kế toán ít mà khối lượng công việc nhiều (thường dồn vào cuối kỳ) nên công tác kế toán còn gặp sai sót.

➤ *Về việc luân chuyển chứng từ:* Chứng từ kế toán rất quan trọng đối với công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Tuy nhiên việc lưu giữ và bảo quản chứng từ tại công ty vẫn chưa hợp lý, chưa có sự ký nhận giữa các bên khi bàn giao chứng từ. Điều đó có thể dẫn đến việc thất lạc chứng từ mà không tìm ra được nguyên nhân ảnh hưởng đến việc hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

#### ➤ *Về hệ thống sổ kế toán*

Kế toán chưa theo dõi chi tiết chi phí quản lý kinh doanh cho từng đối tượng

#### ➤ *Về việc áp dụng chính sách ưu đãi đối với khách hàng*

Hiện nay công ty không có nhiều chính sách ưu đãi trong kinh doanh. Đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu. Thực tế cho thấy rằng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh cũng là một trong những biện pháp kích thích được nhu cầu khách, thu hút được nhiều khách hàng nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy tăng doanh số tiêu thụ và rút ngắn vòng quay của vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Điều này trong nền kinh tế thị trường như hiện nay là rất cần thiết cho sự tồn tại của doanh nghiệp.

➤ *Về việc thu hồi công nợ:* Tuy công ty có nhiều bạn hàng nhưng không phải khách hàng nào cũng thanh toán ngay cho công ty. Các khách hàng của công ty ngoài những khách hàng đến thuê dịch vụ và sau đó thanh toán tiền ngay cho công ty còn có những khách hàng thường xuyên những bạn hàng quen thuộc nên việc bán hàng thanh toán sau là không thể tránh khỏi. Dẫn tới việc nếu công ty không có bộ phận kiểm soát thu hồi công nợ thì rất khó kiểm soát được số nợ của công ty.

**Biểu số 01:**

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ STC

Địa chỉ: 27C Điện Biên Phủ, Hải Phòng

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN NGÀY 31/12/2013**

STT	Khách hàng	Công nợ đến 31/12/2013		Ghi chú
		Dư nợ cuối kỳ	Dư có cuối kỳ	
1	Công ty TNHH Hoàng Thành	256.034.756		Đang chờ giấy báo có Ngân hàng
2	Công ty cổ phần Hưng Lâm	257.894.034		Phát sinh ngày 25/11/2013, hạn thanh toán 28/12/2013
3	Công ty TNHH Đại Bình		184.602.500	Khách hàng đặt tiền trước
4	Công ty CP TNN	254.662.183		Phát sinh ngày 20/302013, hạn thanh toán 30/3/2013
...	.....	.....	.....	.....
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.578.347.224</b>	<b>836.802.759</b>	

Dựa theo báo cáo trên thì công ty cần trích lập dự phòng năm 2013 đối với khoản nợ sau:

-Khoản nợ 257.894.034 của công ty CP Hưng Lâm theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 25/11/2012, hạn thanh toán là 28/12/2012. Đã quá hạn thanh toán trên 1 năm

-Khoản nợ 254.662.183 của Công ty CP TNN theo biên bản đối chiếu công nợ khoản nợ có hạn thanh toán 30/3/2013 đã quá hạn thanh toán 9 tháng.

Trong năm 2011 và năm 2012 công ty không trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi cũng như không thu hồi được nợ nên ảnh hưởng rất lớn tới tình hình tài chính của công ty.

### **3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại và dịch vụ STC**

#### **3.2.1 . Về việc nâng cao phần mềm kế toán:**

Tổ chức công tác kế toán diễn ra một cách thuận lợi thì nhân viên kế toán không những có trình độ chuyên môn, hiểu được quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bên cạnh đó phải có kiến thức về công nghệ mới, áp dụng được khoa học công nghệ vào công việc.

Để thực hiện giải pháp trên thì công ty cần tuyển thêm nhân viên kế toán có kinh nghiệm làm việc trên phần mềm kế toán hoặc có kế hoạch cho nhân viên được đào tạo, nâng cao chuyên môn.

Công ty nên áp dụng khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán như việc sử dụng phần mềm kế toán. Hiện nay, có rất nhiều phần mềm kế toán như phần mềm kế toán MISA, BRAVO, phần mềm kế toán Việt Nam - KTVN, FAST, SASINNOVA... Công ty nên chọn một phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm của Công ty. Việc áp dụng phần mềm kế toán để giảm bớt công việc của kế toán giúp cho kế toán có thể đưa ra các báo cáo nhanh chóng, chính xác nhất phục vụ cho công tác quản trị của ban giám đốc. Giúp ban giám đốc có thể đưa ra các quyết định kinh doanh kịp thời tạo lợi thế cho doanh nghiệp trong kinh doanh. Tạo niềm tin vào các báo cáo tài chính mà công ty cung cấp cho các đối tượng.

#### **3.2.2. Về việc luân chuyển chứng từ**

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi giao nhận chứng từ thì các bên đều phải ký nhận vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho

đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý. Việc này giúp quản lý chặt chẽ chứng từ của công ty. Đồng thời nâng cao tinh thần trách nhiệm đối với quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

Dưới đây, em xin mở phiếu giao nhận chứng từ.

**PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ**

Từ ngày.... đến ngày....

<b>Tên chứng từ</b>	<b>Số hiệu chứng từ</b>	<b>Số lượng chứng từ</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Ký nhận</b>
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>

**3.2.3. Về hệ thống sổ kế toán**

Công ty cần lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh nhằm xác định rõ từng khoản mục trong chi phí quản lý doanh nghiệp. Xem xét và tìm nguyên nhân gây ra biến động lớn của các khoản mục chi phí so với cùng kì năm trước hoặc so với kì trước đó đồng thời xác định hiệu quả kinh tế mang lại do chi các khoản này để có biện pháp tiết kiệm chi phí một cách hợp lý.

Công ty nên tiến hành mở chi tiết cho tài khoản 642

- TK6421 - Chi phí bán hàng:
- TK6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

**Biểu số 02:**

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ STC

Địa chỉ: 27C Điện Biên Phủ, Hải Phòng.

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản: 642- Chi phí quản lý kinh doanh

Từ ngày 1/10/2013 đến ngày 31/12/2013

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền	Chi phí sản xuất kinh doanh					
SH	Ngày tháng				6421			6422		
.....	.....	.....	.....	.....	64211	64212	64213	64221	64222	64223
PC 180	15/12/2013	Trả cước điện thoại	111	1.478.499	1.478.499					
PC 181	25/12/2013	Chi phí tiếp khách	111	2.255.000					2.255.000	
.....	.....	.....	.....	.....	.....				.....	
BPBL	31/12/2013	Tính lương quản lý tháng 12	334	34.800.000				34.800.000		
BPBL	31/12/2013	Trích BHXH tháng 12	338	1.564.000				1.564.000		
					<b>1.478.499</b>	<b>....</b>	<b>....</b>	<b>36.364.500</b>	<b>629.445.625</b>	<b>1.216.663.769</b>
		<b>Cộng</b>		<b>2.422.432.689</b>	<b>539.958.795</b>			<b>1.882.473.894</b>		

**3.2.4. Về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Công ty nên trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nhằm đề phòng nợ phải thu thất thu khi khách hàng không có khả năng chi trả nợ và xác định giá trị thực của một khoản tiền nợ phải thu lập trên BCTC của năm báo cáo.

➤ Căn cứ xác định nợ phải thu khó đòi

✓ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán trên hợp đồng kinh tế, kế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ.

✓ Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán, nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người vay nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

➤ Phương pháp xác định

Dựa trên tài liệu hạch toán chi tiết các khoản nợ phải thu của từng khách hàng, phân loại theo thời hạn thu nợ, các khách hàng quá hạn được xếp loại khách hàng khó đòi, nghi ngờ. Doanh nghiệp cần thông báo cho khách hàng và trên cơ sở thông tin phản hồi từ khách hàng, kể cả bằng phương pháp xác minh, để xác định số dự phòng cần lập theo số % khả năng mất

➤ Mức trích lập: (Theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009)

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên
- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế

đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng

➤ Tài khoản sử dụng: TK139

➤ Phương pháp hạch toán

✓ Cuối năm xác định số dự phòng cần trích lập. Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi ở kỳ kế toán này lớn hơn ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì hạch toán chênh lệch vào chi phí:

Nợ TK 642

Có TK 139

✓ Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này nhỏ hơn kỳ trước thì số chênh lệch được ghi giảm trừ chi phí:

Nợ TK139

Có TK642

✓ Xóa nợ

Nợ TK 139: Nếu đã trích lập dự phòng

Nợ TK642: Nếu chưa trích lập dự phòng

Có TK131

Có TK138

Đồng thời ghi Nợ TK004

✓ Đối với nợ khó đòi đã xử lý xóa nợ sau đó thu hồi

Nợ TK111,112...

Có TK711

Ví dụ:

Giả sử trong thời điểm ngày 31/12/2013, kế toán công ty có trích lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên Báo cáo tình hình công nợ đến 31/12/2012 như sau:

$$(257.894.034 \times 50\%) + (254.662.183 \times 30\%) = 205.345.672 (\text{đồng})$$

Kế toán định khoản:

Nợ TK 642 : 205.345.672

Có TK139 : 205.345.672

Kế toán tiến hành lập phiếu kế toán rồi vào sổ nhật ký chung và các sổ sách liên quan.

### **3.2.5. Trích trước chi phí đề phòng những thiệt hại trong kinh doanh:**

Đối với các công ty dịch vụ, nhất là dịch vụ về vận tải, những khoản thiệt hại trong quá trình lưu thông luôn luôn thường trực trên mỗi tuyến đường. Vì vậy, công ty phải có kế hoạch trích trước những chi phí nhất định và thường trực cho những thiệt hại bất thường cũng như những thiệt hại có kế hoạch khi xảy ra. Công ty nên trích trước khoản chi phí sửa chữa lớn để trang trải cho những thiệt hại khi xe lưu thông như tai nạn, vi phạm giao thông hay khi xe phải ngừng hoạt động để tu bổ, sửa chữa....

Dựa vào kết quả kinh doanh năm trước, công ty sẽ đưa ra kế hoạch chi tạm thời về chi phí sửa chữa lớn TSCĐ và sử dụng tài khoản 335 để hạch toán. Đây là tài khoản dùng để hạch toán những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh, nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này cho các đối tượng chịu chi phí để đảm bảo khi các khoản chi trả thực tế phát sinh sẽ không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh.

Khi trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh số chi sửa chữa lớn TSCĐ dự tính sẽ phát sinh, kế toán ghi:

Nợ TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

Có TK 335- Chi phí phải trả

Khi công việc sửa chữa lớn hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, kế toán kết chuyển chi phí thực tế phát sinh thuộc khối lượng công việc sửa chữa lớn TSCĐ đã được dự tính trước vào chi phí, kế toán ghi:

Nợ TK 642 ( Nếu số đã chi lớn hơn số trích trước)

Nợ TK 335 ( Số đã trích trước)

Có TK 241 (2413 - tổng chi phí thực tế phát sinh)

Có TK 642 ( Nếu số đã chi nhỏ hơn số trích trước)

### **3.2.6. Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thương mại vào kế toán bán hàng**

Công ty hiện nay đang có một lượng khách hàng truyền thống lâu năm những khách hàng này thường thuê vận chuyển khối lượng lớn hàng hoá. Việc áp dụng linh hoạt các chính sách bán hàng là rất quan trọng... Vậy công ty nên áp dụng một số biện pháp khuyến mại như bớt giá, chiết khấu thương mại khi vận chuyển hàng với số lượng lớn, thanh toán tiền nhanh nhằm giữ được khách hàng.

Chiết khấu thương mại: (Điểm 3, mục IV, Thông tư số 89/2002/TT-BTC ngày 09/10/2002 của Bộ tài chính hướng dẫn kế toán thực hiện 04 chuẩn mực kế toán ban hành kèm theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 01/12/2001 của Bộ tài chính)

Chiết khấu thương mại là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm tiền cho người mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng. Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thương mại nhằm thúc đẩy việc cung cấp dịch vụ, thu hút thêm nhiều khách hàng. Chính sách chiết khấu thương mại tại công ty có thể thực hiện theo cách sau:

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp cùng ngành

- Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp



➤ *Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại*

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng lần cuối cùng. Khoản chiết khấu này không được hạch toán vào tài khoản 521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

- Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi chiết khấu thương mại cho người mua chiết khấu thương mại ghi ngoài hóa đơn. Khoản chiết khấu thương mại này được hạch toán vào TK 521.

➤ *Phương pháp hạch toán*

1. Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ, kế toán ghi: Nợ TK5211 - Chiết khấu thương mại (Số tiền đã trừ thuế GTGT phải nộp) Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp

Có TK 111,112 - Thanh toán ngay

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

2. Cuối kỳ kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận cho người mua sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần.

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 5211 - Chiết khấu thương mại

Chiết khấu thanh toán: (theo quy định tại Điểm 2.19 mục IV phần C Thông tư số 130/2008TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính)

Công ty nên có chính sách khuyến khích người mua hàng với hình thức chiết khấu thanh toán. Như vậy công ty mới có khả năng thu hồi vốn nhanh, tăng được vòng quay luân chuyển vốn lưu động, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và hạn chế được các khoản đi vay của công ty. Công ty cần có những biện pháp thiết thực như:

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thanh toán của doanh nghiệp cùng ngành

- Công ty cũng có thể xây dựng chính sách chiết khấu thanh toán dựa vào lãi suất của ngân hàng tại thời điểm phát sinh.

- Chính sách chiết khấu thanh toán được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp

- Công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Căn cứ từng khách hàng thanh toán nợ mà công ty áp dụng mức chiết khấu theo thời gian.

➤ *Phương pháp hạch toán*

Công ty cần thực hiện việc ghi chép kế toán thông qua TK 635 - Chi phí tài chính (phản ánh khoản chi phí công ty phải chịu do giảm trừ khoản phải thu do khách hàng thanh toán trước thời hạn)

Nợ 635: Số tiền chiết khấu thanh toán cho hàng bán

Có TK 111,112,131: Tổng số tiền trả lại hoặc giảm nợ cho khách hàng

*Cuối kỳ kết chuyển chiết khấu thanh toán để xác định kết quả kinh doanh:*

Nợ TK 911: Kết chuyển chiết khấu thanh toán

Có TK 635: Chiết khấu thanh toán

**KẾT LUẬN**

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp chiếm vị trí, vai trò rất quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp. Thông qua hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh người quản lý doanh nghiệp, các đối tượng cần tìm hiểu về doanh nghiệp biết được doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả hay không, từ đó có những quyết định về mặt chiến lược đối với doanh nghiệp, quyết định đầu tư đối với các nhà đầu tư.

Với kiến thức đã học cùng với việc tiếp cận thực tế, em xin đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại và dịch vụ STC. Nhưng do trình độ có hạn và lần đầu tiên tiếp cận thực tế nên không tránh khỏi thiếu sót. Vì vậy, em mong nhận được sự chỉ bảo, đóng góp ý kiến của thầy cô, ban giám đốc cùng các cán bộ phòng ban kế toán của công ty cổ phần thương mại và dịch vụ STC để bài khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

Sau cùng em xin chân thành cảm ơn cô giáo hướng dẫn Phạm Thị Nga, các thầy cô giáo khoa quản trị kinh doanh trường ĐHDL Hải Phòng và các cô bác phòng kế toán tại công ty cổ phần thương mại và dịch vụ STC đã giúp đỡ em hoàn thành bài khoá luận này.

*Hải Phòng, ngày 20 tháng 6 năm 2014*

**Sinh viên**

**Phạm Thị Như Mai**